

PHẦN MỘT

CÔNG DÂN VỚI KINH TẾ

Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

A. Nội dung bài học

1. Sản xuất của cải vật chất

a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất?

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội.
- Sản xuất của cải vật chất quyết định mọi hoạt động của xã hội
- Sản xuất của cải vật chất là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người.

=> Là cơ sở để xem xét và giải quyết các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội.

2. Các yếu tố của quá trình sản xuất

$$QTSX = SLD + TLLĐ + ĐTLĐ$$

a. Sức lao động

- **Khái niệm:** Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.

Sức lao động gồm: thể lực và trí lực

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

- Phân biệt SLD và LĐ

Sức lao động	Lao động
Sức lao động: là khả năng của lao động	Lao động: là sự tiêu dùng sức lao động trong

	hiện thực
--	-----------

b. Đối tượng lao động

- **Khái niệm:** Đối tượng lao động là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

- **Phân loại:**

Đối tượng lao động có hai loại:

- + Loại có sẵn trong tự nhiên (gỗ, đất đai, khoáng sản...)
- + Loại đã trải qua tác động lao động, được cải biến ít nhiều (sắt thép, xi măng, vải...)

c. Tư liệu lao động

- **Khái niệm:** TLLĐ là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên ĐTLĐ, nhằm biến đổi ĐTLĐ thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu con người.

- **Phân loại:**

TLLĐ được chia thành ba loại:

- + Công cụ lao động (hay công cụ sản xuất), là yếu tố quan trọng nhất.
- + Hệ thống bình chứa của sản xuất.
- + Kết cấu hạ tầng của sản xuất.

Tư liệu LĐ+ đối tượng LĐ = tư liệu SX

Quá trình LDSX = SLĐ + TLSX

=> Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất

3. Phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế

* Khái niệm: Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.

TTKT là sự tăng lên về số lượng, chất lượng của sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kì nhất định.

*Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung:

- Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế.
- Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kỳ nhất định.

- Cơ sở của tăng trưởng kinh tế:

.- Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.

*Phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế.

.- Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

. - Gắn với chính sách dân số phù hợp.

***Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ:**

b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội (hướng dẫn HS tự học)

- **Đối với cá nhân:** Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.

-**Đối với gia đình:** Là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình; xây dựng gia đình văn hóa.

- **Đối với xã hội:**

+ Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.

+ Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

+ Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

+ Là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại: Tích cực tham gia phát triển kinh tế vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của công dân, góp phần thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

B. Câu hỏi vận dụng

Câu 1: Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Trong quá trình sản xuất, sức lao động là yếu tố quan trọng nhất và quyết định nhất. Vì trong quá trình sản xuất tư liệu lao động và đối tượng lao động bắt

nguồn từ tự nhiên. Còn Sức lao động là yếu tố giữ vai trò chủ thể, sáng tạo luôn giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất. Vì xét đến cùng trình độ phát triển của tư liệu sản xuất là sự phản ánh sức lao động sáng tạo của con người.

Câu 2: Công cụ lao động là yếu tố quan trọng nhất của tư liệu lao động. Vì trình độ phát triển của CCLĐ là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là tiêu chuẩn phân biệt các thời đại kinh tế trong lịch sử...

C. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy phân biệt đối tượng lao động với tư liệu lao động của một số ngành sản xuất mà em biết?

Trả lời:

Ngành khai thác khoáng sản:

+ Đối tượng lao động: Quặng trong lòng đất.

+ Tư liệu lao động: Máy móc dùng để khai thác, ô tô chuyên chở...

Ngành sản xuất nông nghiệp:

+ Đối tượng lao động: Ruộng đất, giống cây trồng...

+ Công cụ lao động: Máy móc nông nghiệp (máy cày, máy cấy, máy làm đất, máy thu hoạch các loại,...), thùng chứa, xe vận chuyển,...

Ngành dệt may:

+ Đối tượng lao động: Bông, sợi để dệt vải, ...

+ Công cụ lao động: Máy quay sợi, máy dệt, máy may...

Câu 2 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy chỉ ra những điều kiện khách quan, chủ quan để người có sức lao động thực hiện được quá trình lao động.

Trả lời:

Sức lao động mới chỉ là khả năng cần thiết để có thể tiến hành lao động, còn lao động sản xuất là quá trình kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất. Vì vậy, để có quá trình lao động diễn ra trên thực tế thì cần phải có đủ điều kiện khách quan và chủ quan.

- Về khách quan: Nền kinh tế phải phát triển, tạo ra được nhiều việc làm để thu hút lao động, tạo cơ hội cho người lao động có việc làm. Trong quá trình lao động: thời tiết khi lao động, không gian nhà xưởng, máy móc vận hành có tốt hay không, nguyên liệu tạo ra hàng hóa sản phẩm có tốt hay không, v.v..

- Về chủ quan: Người lao động phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ sức lao động của mình về thể lực, trí lực để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trong quá trình lao động: sức khỏe của người lao động, tay nghề của người lao động, tinh thần của người lao động, v.v..

Câu 3 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy cho biết vì sao Đảng ta xác định: Phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu?

Trả lời:

Đảng ta xác định: Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, vì:

- Phát triển giáo dục đào tạo tạo ra những con người có nhiều tri thức, trình độ dân trí cao và làm được trong nhiều ngành nghề. Trong các yếu tố của quá trình sản xuất thì sức lao động giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Sức lao động mang tính sáng tạo và là nguồn lực không cạn kiệt. Xét về thực chất sự phát triển của tư liệu sản xuất do sức lao động tạo nên. Giáo dục và đào tạo là quá trình tái tạo, mở rộng sức lao động. Vì vậy giáo dục và đào tạo sẽ bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao sức lao động làm cho đất nước ngày càng phát triển.

- Phát triển khoa học và công nghệ giúp hiện đại hóa đất nước và theo kịp các nước tiên tiến khác, kinh tế đất nước phát triển, đời sống nhân dân ấm no. Cách mạng khoa học kỹ thuật là một trong 3 cuộc cách mạng quan trọng (cách mạng dân chủ nhân

dân, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng văn hóa), cách mạng khoa học kỹ thuật chuyển đổi từ một nước kinh tế nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu sang một nước công nghiệp phát triển. Muốn thành công cuộc cách mạng ấy thì phải phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đó là quốc sách hàng đầu để đào tạo con người vì yếu tố con người lúc nào cũng là yếu tố quyết định có thành công hay không.

Câu 4 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy trình bày những nội dung cơ bản của phát triển kinh tế và biểu hiện của nó ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

- Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế là căn cứ quan trọng để xác định phát triển kinh tế, trong đó có sự tác động của mức tăng dân số. Vì vậy, để phát triển kinh tế, các quốc gia không chỉ chú ý thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn phải có chính sách dân số phù hợp. Ở nước ta trong những năm gần đây, sự tăng trưởng kinh tế đang theo chiều hướng đi lên. Theo số liệu của Tổng cục thống kê cho thấy, mức tăng trưởng năm 2013 là 5.42%, năm 2014 là 5.89%, năm 2015 là 6.68%

+ Sự tăng trưởng kinh tế phải dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững. Ở nước ta, cơ cấu kinh tế hiện đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ, tỉ trọng của ngành dịch và công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân tăng dần, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm dần.

+ Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế. Đồng thời tăng trưởng kinh tế phải phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Mức độ thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người thể hiện ở sự tăng lên của thu nhập thực tế và chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường... mà mỗi người dân được hưởng. Nội dung này

của phát triển kinh tế phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết công bằng xã hội. Khi công bằng xã hội được đảm bảo sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế.

Câu 5 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu một ví dụ về ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

Trả lời:

- Đối với cá nhân: Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no; có điều kiện chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ; đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú; có điều kiện học tập, tham gia các hoạt động xã hội, phát triển con người toàn diện.

- Đối với gia đình: Phát triển kinh tế là tiền đề, là cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình: chức năng kinh tế, chức năng sinh sản, chức năng chăm sóc và giáo dục, đảm bảo hạnh phúc gia đình; xây dựng gia đình văn hóa... để gia đình thực sự là tổ ấm hạnh phúc của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

- Đối với xã hội:

+ Phát triển kinh tế làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện như giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng và tử vong ở trẻ em, giảm bớt tình trạng đói nghèo.

+ Phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm, giảm thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội.

+ Phát triển kinh tế là tiền đề vật chất để phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và các lĩnh vực khác của xã hội, đảm bảo ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội.

+ Phát triển kinh tế tạo điều kiện vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng hiệu lực quản lý của Nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

+ Đối với nước ta, phát triển kinh tế còn là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 6 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Vì sao sự phát triển kinh tế phải đặt trong mối quan hệ với sự gia tăng dân số và bảo vệ môi trường?

Trả lời:

- Phải chú ý sự gia tăng dân số vì bùng nổ dân số dẫn đến thiếu lương thực, khan hiếm của cải vật chất, mặt bằng xây dựng, chất lượng cuộc sống giảm sút, phát sinh nhiều các tệ nạn xã hội.

- Cần bảo vệ môi trường sinh thái vì nếu không làm như vậy môi trường sẽ bị ô nhiễm, khan hiếm và cạn kiệt các nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, không thể sản xuất làm việc, gây khó khăn trong phát triển kinh tế.

Câu 7 (trang 12 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy cho biết vài nét về phát triển kinh tế của gia đình mình và em có thể làm gì để phát triển kinh tế gia đình?

Trả lời:

Vài nét về phát triển kinh tế của gia đình:

- Hiện tại, trong gia đình, bố mẹ thuộc thành phần kinh tế nào (cán bộ, công nhân viên chức, kinh doanh,)

- Các điều kiện khác của gia đình (nhà cửa, xe, điều kiện cho con cái ăn học, chăm sóc ông bà,)

Em có thể làm gì để có thể giúp gia đình:

- Cố gắng chăm ngoan, học hành tốt, để bố mẹ có thể toàn tâm, toàn ý lo cho công việc.

- Ngoài giờ học, thường xuyên giúp thêm bố mẹ công việc nhà cửa: nấu cơm, rửa bát, giặt quần áo....

- Bên cạnh đó, tôi cũng thường xuyên phụ giúp bố mẹ về công việc kinh doanh (nếu có): quản lý cửa hàng, đóng gói hàng giúp cha mẹ...

Bà2: HÀNG HÓA - TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG

A. Nội dung bài học

1. Hàng hóa:

a. Hàng hóa là gì?

- **Hàng hoá** là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán.

- **Sản phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi thoả mãn ba điều kiện:**

- + Do lao động tạo ra.
- + Có công dụng thoả mãn nhu cầu của con người.
- + Thông qua mua bán.

- Các dạng tồn tại:

+ Dạng vật thể (hữu hình).

VD về hàng hóa dạng vật thể, các sản phẩm được trao đổi, mua – bán trên thị trường như: quần áo, giày dép, gạo, thịt, sữa, trứng, khoai, đậu, rau, cải...

+ Dạng phi vật thể (hàng hóa dịch vụ).

- VD về hàng hóa dịch vụ: dịch vụ môi giới nhà đất, dịch vụ giới thiệu việc làm, dịch vụ bưu điện...

b/ Hai thuộc tính của hàng hóa:

- **Giá trị sử dụng:** là công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.

- **Giá trị hàng hóa:** là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

- **Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi**

+ **Thời gian lao động cá biệt:** là thời gian lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa của từng người. Thời gian lao động cá biệt tạo ra giá trị cá biệt của hàng hóa.

+ **Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất hàng hóa** là thời gian cần thiết cho bất cứ lao động nào tiến hành với trình độ thành thạo trung bình và một cường độ

trung bình trong những điều kiện trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định. Thời gian lao động xã hội cần thiết tạo ra giá trị xã hội cho hàng hóa.

=> Hàng hóa là sự thống nhất giữa hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị. Đó là sự thống nhất của hai mặt đối lập mà thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm sẽ không trở thành hàng hóa. Hàng hóa biểu hiện quan hệ sản xuất xã hội giữa người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

2. Tiền tệ

a. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

Đọc thêm

***Nguồn gốc:**

- Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị.
- Có 4 hình thái giá trị phát triển từ thấp lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ:
 - + Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên.
 - + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.
 - + Hình thái chung của giá trị.
 - + Hình thái tiền tệ.

(HS đọc thêm)

*** Bản chất:**

Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm ra làm vật ngang giá chung thống nhất, là sự cụ thể hiện chung của giá trị và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng Hóa.

b. Chức năng của tiền tệ

+ Thước đo giá trị

Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa và được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả hàng hóa.

+ Phương tiện lưu thông

Là chức năng tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa theo công thức: H-T-H.

+ Phương tiện cất trữ

Là chức năng tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ lại để khi cần thì đem ra mua hàng.

+ Phương tiện thanh toán

Là chức năng sử dụng tiền tệ chi trả sau khi giao dịch, mua bán

+ Tiền tệ thế giới

Là chức năng sử dụng tiền tệ để trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia: phải là tiền vàng hoặc tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế

c. Quy luật lưu thông tiền tệ

(không học)

3. Thị trường

a. Thị trường là gì?

- **Thị trường** là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

b. Các chức năng cơ bản của thị trường.

- **Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.**

Thị trường là nơi kiểm tra cuối về chủng loại, hình thức, mẫu mã, số lượng, chất lượng hàng hóa khi hàng hóa được đưa ra thị trường.

VD: Xí nghiệp của ông A sản xuất giấy bao bì tập của học sinh. Sản phẩm của ông A bán rất chạy với lý do: mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu khách hàng; giá cả vừa phải (50.000đ/chục).

- **Chức năng thông tin.**

Là chức năng cung cấp cho các chủ thể tham gia thị trường những thông tin về quy mô cung cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại...

VD: Nhờ nắm bản tin thị trường vàng bạc, đá quý mà khách hàng có thể quyết định mua vào cất trữ hay bán ra ; mua, bán vào thời điểm nào là có lợi nhất.

- **Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.**

Là chức năng thông qua sự biến động của cung – cầu, giá cả trên thị trường để điều tiết kích thích người sản xuất và người tiêu dùng.

B. Câu hỏi vận dụng

- Các “chủ thể kinh tế” của thị trường bao gồm các thành phần nào ?

=> Các chủ thể kinh tế của thị trường gồm: người bán, người mua, cá nhân, doanh

ngiệp, cơ quan, nhà nước ... tham gia vào mua bán, trao đổi trên thị trường.

C. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 26 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy cho biết những sản phẩm tiêu dùng nào trong gia đình em là hàng hóa, hoặc không phải là hàng hóa? Vì sao?

Trả lời:

- Những sản phẩm tiêu dùng trong gia đình là hàng hóa như ti vi, tủ lạnh, máy giặt, điện thoại, vì những sản phẩm này có thể được mang ra để trao đổi, mua bán

- Những sản phẩm tiêu dùng trong gia đình không phải là hàng hóa là cơm, thức ăn, vì những sản phẩm này không được mang ra để trao đổi, mua bán (trừ trường hợp gia đình làm quán ăn)

Câu 2 (trang 26 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu một số ví dụ thể hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được phát hiện dần cùng với sự phát triển của khoa học – kỹ thuật.

Trả lời:

- Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ dùng làm chất đốt. Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, người ta sử dụng nó làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp để chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác phục vụ cho đời sống: nhựa, mỹ phẩm,

Câu 5 (trang 26 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích các chức năng của tiền tệ. Em đã vận dụng được những chức năng nào của tiền tệ trong đời sống?

Trả lời:

* Chức năng của tiền tệ:

+ Chức năng làm thước đo giá trị: được thể hiện khi tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa. Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả hàng hóa. Giá cả hàng hóa được quyết định bởi các yếu tố khác nhau, do đó trên thị trường giá cả có thể bằng, thấp hơn hoặc cao hơn giá trị.

Nếu các điều kiện khác không thay đổi, giá trị của hàng hóa cao thì giá cả của nó cao và ngược lại.

+ Chức năng làm phương tiện lưu thông: được thể hiện khi tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa theo công thức: $H - T - H$. Trong đó $H - T$ là quá trình bán, $T - H$ là quá trình mua. Người ta bán hàng hóa lấy tiền rồi dùng tiền để mua hàng hóa mình cần.

+ Chức năng làm phương tiện cất trữ: được thể hiện khi tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ lại để khi cần thì đem ra mua hàng. Sở dĩ tiền tệ làm được chức năng này là vì tiền là đại biểu cho của cải của xã hội dưới hình thái giá trị, nên việc cất trữ tiền là hình thức cất trữ của cải. Nhưng để làm được chức năng phương tiện cất trữ thì tiền phải đủ giá trị, tức là tiền đúc bằng vàng hoặc những của cải bằng vàng.

+ Chức năng phương tiện thanh toán: được thể hiện khi tiền tệ được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán như: trả tiền mua chịu hàng hóa, trả nợ, nộp thuế,... Chức năng này làm cho quá trình mua bán diễn ra nhanh hơn, nhưng cũng làm cho những người sản xuất và trao đổi hàng hóa phụ thuộc vào nhau nhiều hơn.

+ Chức năng tiền tệ thế giới: Thể hiện khi trao đổi hàng hóa vượt khỏi biên giới quốc gia, tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cả từ nước này sang nước khác, nên đó phải là tiền vàng hoặc tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế. Việc trao đổi tiền của nước này theo tiền của nước khác được tiến hành theo tỉ giá hối đoái. Tỉ giá hối đoái là giá cả của đồng tiền nước này được tính bằng đồng tiền nước khác.

* Em đã vận dụng được những chức năng của tiền tệ như:

- Dùng tiền tệ làm phương tiện thanh toán, đi mua hàng hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt của bản thân và gia đình hàng ngày.

- Khi có tiền nhưng chưa dùng đến, em mang cất đi bằng cách bỏ lợn tiết kiệm, nhờ mẹ gửi ngân hàng iúp.

Câu 7 (trang 27 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao nói giá cả là “mệnh lệnh” của thị trường đối với mọi người sản xuất và lưu thông hàng hóa?

Trả lời:

Sự biến động của cung – cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác.

Khi giá cả một hàng hóa nào đó tăng lên sẽ kích thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn, nhưng lại làm cho nhu cầu của người tiêu dùng về hàng hóa đó bị hạn chế.

Ngược lại, khi giá cả một hàng hóa giảm xuống sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế việc sản xuất hàng hóa đó.

Câu 8 (trang 27 sgk Giáo dục công dân 11): Thị trường là gì? Em hãy nêu một số ví dụ về sự phát triển của sản xuất hàng hóa và thị trường ở địa phương mình.

Trả lời:

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ. Thị trường xuất hiện, phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Ví dụ về sự phát triển của sản xuất hàng hóa và thị trường ở địa phương:

- Sản xuất hàng hóa ở địa phương đa dạng, phong phú. Các hoạt động dịch vụ diễn ra sôi nổi, linh hoạt thông qua các hình thức môi giới, trung gian, quảng cáo, tiếp thị,.

Câu 9 (trang 27 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu một số ví dụ về sự vận dụng các chức năng của thị trường đối với người sản xuất và người tiêu dùng.

Trả lời:

- Khi một người mang hàng hóa ra bán trên thị trường, hàng hóa nào phù hợp với nhu cầu của thị trường, chất lượng tốt khiến người mua hài lòng thì bán được, người bán có lãi, tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Chức năng thông tin giúp người bán hàng đưa ra quyết định phù hợp, kịp thời để thu lợi nhuận.

- Người mua cũng căn cứ vào chất lượng, nhu cầu của bản thân và những thông tin trên thị trường để mua có lợi nhất.

Câu 10 (trang 27 sgk Giáo dục công dân 11): Theo em, mỗi công dân cần phải làm gì đối với sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay?

Trả lời:

- Công dân cần làm những hành động sau để giúp kinh tế đất nước phát triển:

+ Thực hiện phong trào Người Việt dùng hàng Việt, tăng cường dùng hàng trong nước để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển, tái đầu tư sản xuất.

+ Khi tham gia vào thị trường cần mua bán lành mạnh, không buôn bán gian lận để tạo một thị trường đảm bảo, có uy tín, được người mua tin tưởng.

+ Tránh để xảy ra lạm phát

+ Học tập tốt, rèn luyện bản thân để có thể trở thành một người lao động tốt, có kiến thức khoa học, góp phần phát triển nền kinh tế,

Chủ đề:

Quy luật giá trị, tính cạnh tranh, cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa

• QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (T1)

A. Nội dung bài học

1. Nội dung của quy luật giá trị.

❖ Nội dung của quy luật giá trị:

Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

❖ Biểu hiện của quy luật giá trị:

➤ Trong sản xuất hàng hóa:

Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho TGLĐCB để sản xuất từng hàng hóa phải phù hợp với TGLĐXHCT và tổng TGLĐCB phải phù hợp với tổng TGLĐXHCT.

+ Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

➤ **Trong lưu thông hàng hóa:**

Khi trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở TGLĐXHCT hay dựa theo nguyên tắc ngang giá (TGLĐXHCT để sản xuất ra hàng hóa bằng nhau thì được trao đổi với nhau).

- **Đối với 1 hàng hóa**, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

- **Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội**, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

2. Tác động của quy luật giá trị

a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa:

- Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và lao động từ ngành này sang ngành khác.

- Là sự phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác, từ mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi có lãi ít đến nơi có lãi cao.

b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên:

- Quá trình ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới làm cho lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên, lợi nhuận tăng lên thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, gây ra tình trạng lãng phí máy móc và lực lượng lao động khi sản xuất thu hẹp hoặc chuyển sang ngành nghề mới.

c. Sự phân hóa giàu nghèo giữa những người SX hàng hóa.

Sự tác động của quy luật giá trị, thông qua sự chọn lọc tự nhiên làm cho người SX kinh doanh phân thành hai tầng lớp Giàu và Nghèo.

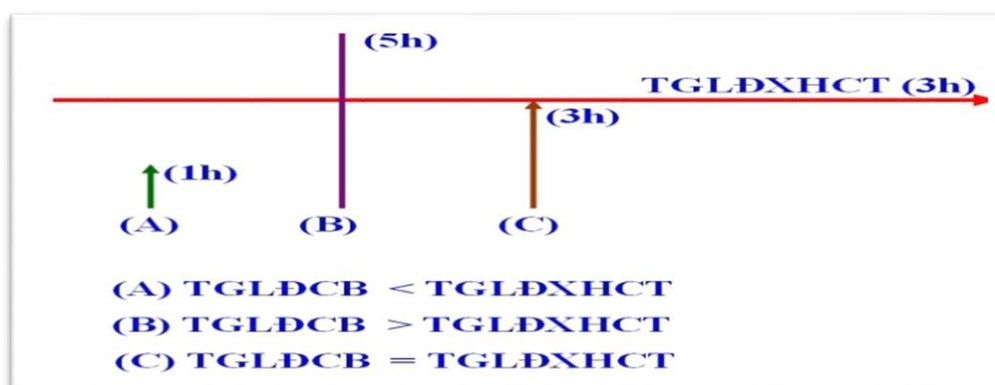
- Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết,

nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm TLSX, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.

Quy luật giá trị có tác dụng bình tuyến, đánh giá người sản xuất.

B. Câu hỏi vận dụng



Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với tổng hàng hóa:



- Giải thích sơ đồ:

+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt < tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến thiếu hàng hóa trên thị trường.

+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt > tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến thừa hàng hóa trên thị trường.

+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt = tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng góp phần cân đối và ổn định thị trường.

- Sơ đồ biểu hiện nội dung quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:



→ Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

- Trên thị trường, giá cả của từng hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa hình thành trong sản xuất, do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung - cầu.
- VD: Hàng hóa A có giá trị = 10 giờ lao động, nhưng trên thị trường có thể bán = 11 giờ hoặc 9 giờ lao động. Chúng đều xoay quanh trục 10 giờ lao động.
- Gv giảng thêm: Yêu cầu này là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế hàng hóa vận động và phát triển bình thường (hay cân đối).

D. Bài tập SGK

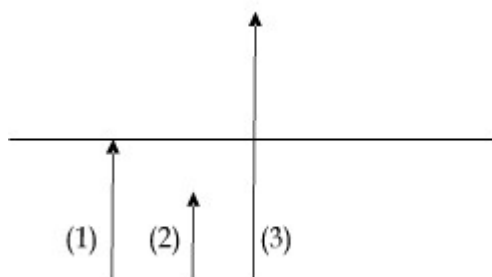
Câu 1 (trang 34 sgk Giáo dục công dân 11): Nội dung của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

Trả lời:

- Nội dung của quy luật giá trị là sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.
- Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra từng hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra từng hàng hóa đó; và tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hóa đó.
- Trong lưu thông, trên thị trường việc trao đổi hàng hóa cũng phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết. Nói cách khác, phải dựa theo nguyên tắc ngang giá. Điều đó có nghĩa là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa A và hàng hóa B bằng nhau thì chúng được trao đổi với nhau.

Câu 2 (trang 34 sgk Giáo dục công dân 11): Em có nhận xét gì về việc thực hiện yêu cầu của quy luật giá trị của 3 người sản xuất (1, 2, 3) trong biểu đồ sau đây?

Trả lời:



Nhận xét: Ba người sản xuất có thời gian lao động cá biệt khác nhau trong đó:

- Người thứ nhất thực hiện đúng yêu cầu của quy luật giá trị nên không những bù đắp được chi phí sản xuất mà còn có lợi nhuận.
- Người thứ hai thực hiện tốt quy luật giá trị nên thu được lợi nhuận nhiều hơn người thứ nhất vì thời gian lao động cá biệt ít hơn người thứ nhất nhưng lại bán theo thời gian lao động xã hội cần thiết.
- Người thứ ba thời gian lao động cá biệt vượt quá thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị nên bị thua lỗ.

Câu 3 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao quy luật giá trị lại có tác động điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa? Cho ví dụ để minh họa?

Trả lời:

- Quy luật giá trị điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua giá cả trên thị trường.
- Có thể hiểu điều tiết sản xuất và lưu thông là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác; phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác, từ mặt hàng này sang mặt hàng khác theo

hướng từ nơi lãi ít hoặc không có lãi sang nơi có lãi nhiều hơn thông qua sự biến động của giá cả hàng hóa trên thị trường.

- Ví dụ: Theo trào lưu thời trang, những mẫu quần áo thời trang mới nhất sẽ được nhập về nước, đầu tiên sẽ đến với người dân thành thị – nơi có cuộc sống sung túc, đầy đủ hơn. Cho đến khi những loại quần áo đó đã trở nên lỗi thời, nó được chuyển về bán cho người dân nông thôn.

Câu 4 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao quy luật giá trị lại có tác động kích thích lực lượng sản xuất phát triển và làm cho năng suất lao động tăng lên?

Trả lời:

- Hàng hóa được sản xuất ra trong những điều kiện khác nhau, có giá trị cá biệt khác nhau, nhưng trên thị trường hàng hóa lại được trao đổi mua bán theo giá trị xã hội của hàng hóa. Trong điều kiện đó, người sản xuất, kinh doanh muốn không bị phá sản, đứng vững và chiến thắng trên thương trường để thu được nhiều lợi nhuận, họ phải tìm cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề của người lao động; hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm,... làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.

- Việc cải tiến kỹ thuật lúc đầu còn lẻ tẻ, về sau mang tính phổ biến trong xã hội. Kết quả là làm cho kỹ thuật, lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội được nâng cao.

Câu 5 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Có ý kiến cho rằng, năng suất lao động tăng lên làm cho lượng giá trị của một hàng hóa tăng lên. Điều đó đúng hay sai? Tại sao?

Trả lời:

- Ý kiến cho rằng năng suất lao động tăng lên làm cho lượng giá trị của một hàng hóa tăng lên là sai.

- Vì khi năng suất lao động tăng tức là trong cùng một khoảng thời gian thì người lao động tạo ra một số lượng hàng hóa lớn hơn trước, khiến số lượng hàng hóa tăng lên và lượng giá trị hàng hóa giảm xuống và lợi nhuận theo đó tăng lên (nếu giá cả hàng hóa đó trên thị trường không đổi).

Câu 6 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao quy luật giá trị lại có tác động phân hóa người sản xuất thành giàu – nghèo?

Trả lời:

* Quy luật giá trị tác động phân hóa người sản xuất thành giàu – nghèo vì:

+ Trong nền sản xuất hàng hóa, điều kiện sản xuất của từng người không hoàn toàn giống nhau; khả năng đổi mới kỹ thuật, công nghệ và hợp lý hóa sản xuất khác nhau; tính năng động và khả năng nắm bắt nhu cầu của thị trường khác nhau, nên giá trị cá biệt của từng người khác nhau, nhưng quy luật giá trị lại đối xử như nhau, nghĩa là không có ngoại lệ đối với họ.

+ Vì vậy không tránh khỏi tình trạng một số người có giá trị hàng hóa cá biệt thấp hoặc bằng so với giá trị xã hội của hàng hóa nên có lãi, mua sắm thêm tư liệu sản xuất, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất. Ngược lại, nhiều người sản xuất khác, do điều kiện sản xuất không thuận lợi, năng lực quản lý sản xuất, kinh doanh kém, gặp rủi ro nên họ bị thua lỗ, dẫn đến phá sản. Hiện tượng này dẫn đến sự phân hóa giàu – nghèo.

* Như vậy, sự tác động của quy luật giá trị thông qua sự chọn lọc tự nhiên, một mặt đã làm cho một số người sản xuất, kinh doanh giỏi trở nên giàu có, qua đó thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển từ thấp lên cao. Mặt khác, những người sản xuất, kinh doanh kém sẽ thua lỗ, phá sản và trở thành nghèo, dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

Câu 7 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu giải pháp vận dụng tác động điều tiết sản xuất của quy luật giá trị trong các cơ sở sản xuất mà em biết được.

Trả lời:

Ví dụ: Khi giá cà phê ở nước ta tăng cao, người dân các vùng đồng bằng Nam Bộ trồng cà phê rất nhiều để có thể cung ứng cho thị trường và thu lợi nhuận. Nhưng sau đó một thời gian, giá cà phê giảm, giá điều tăng, rất nhiều chủ vườn đã chặt bỏ cà phê để trồng điều, đáp ứng với nhu cầu của thị trường.

Câu 8 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu giải pháp vận dụng tác động điều tiết lưu thông của quy luật giá trị trong các cửa hàng mà em quan sát được.

Trả lời:

Ví dụ: người bán vải đang bán mặt hàng vải, nhưng khi trên thị trường mặt hàng vải bán quá chậm, giá thấp mà mặt hàng may sẵn lại bán nhanh hơn, giá cao hơn; để ko bị ứ đọng, không lỗ vốn và thu được lợi nhuận, vận dụng các tác động điều tiết lưu thông của quy luật giá trị, người bán vải tìm cách chuyển đổi từ kinh doanh mặt hàng vải sang kinh doanh mặt hàng may sẵn một cách thích ứng

Câu 8 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu giải pháp vận dụng tác động điều tiết lưu thông của quy luật giá trị trong các cửa hàng mà em quan sát được.

Trả lời:

Ví dụ: người bán vải đang bán mặt hàng vải, nhưng khi trên thị trường mặt hàng vải bán quá chậm, giá thấp mà mặt hàng may sẵn lại bán nhanh hơn, giá cao hơn; để ko bị ứ đọng, không lỗ vốn và thu được lợi nhuận, vận dụng các tác động điều tiết lưu thông của quy luật giá trị, người bán vải tìm cách chuyển đổi từ kinh doanh mặt hàng vải sang kinh doanh mặt hàng may sẵn một cách thích ứng

Câu 9 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu ví dụ về sự vận dụng tác động kích thích lực lượng sản xuất và năng suất lao động tăng lên của quy luật giá trị ở một cơ sở sản xuất mà em biết.

Trả lời:

Trong một khu phố có rất nhiều quán cà phê. Để cạnh tranh được với các quán khác, chủ cửa hàng phải đầu tư vào các khâu như vệ sinh an toàn thực phẩm, không

gian quán, chất lượng đồ uống, các yếu tố độc đáo mới lạ, để thu hút khách đến quán của mình. Ví dụ: Cà phê mèo, cà phê ô tô mô hình,

Câu 10 (trang 35 sgk Giáo dục công dân 11): Theo em, Nhà nước cần có chủ trương gì để phát huy mặt tích cực và hạn chế tác động phân hóa giàu – nghèo của quy luật giá trị?

Trả lời:

- Nhà nước thông qua việc ban hành và sử dụng pháp luật, các chính sách kinh tế, chính sách xã hội và bằng thực lực kinh tế của mình để điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế sự phân hóa giàu nghèo và những tiêu cực xã hội khác, thúc đẩy phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

(T2)

3. Vận dụng quy luật giá trị

a. Về phía Nhà nước(không dạy)

- Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực.

b. Về phía công dân (doanh nghiệp và kinh tế gia đình)

- Phân đầu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.
- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu.
- Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.

• CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

A. Nội dung bài học

1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. (13p)

a. Khái niệm cạnh tranh

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh:

- Trong nền sản xuất hàng hóa, do tồn tại nhiều chủ sở hữu khác nhau, tồn tại với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Đây là cơ sở khách quan, là điều kiện cần thiết cho việc xuất hiện cạnh tranh.

- Do điều kiện sản xuất của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau, nên chất lượng hàng hóa và chi phí khác nhau, kết quả sản xuất, kinh doanh giữa họ không giống nhau như: lợi nhuận khác nhau. Đây là điều kiện quyết định cho cạnh tranh xuất hiện.

Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh; có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau đã trở thành nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

c. Mục đích của cạnh tranh: (6p)

Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là nhằm giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

- Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác.
- Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.
- Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng.
- Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán...

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Cạnh tranh là gì? Phân tích tính tất yếu khách quan và mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trả lời:

- Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.
- Sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện thì cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển.

+ Trong nền sản xuất hàng hóa, các chủ sở hữu khác nhau tồn tại với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, có lợi ích riêng, do đó họ không thể không cạnh tranh với nhau.

+ Mặt khác, do điều kiện sản xuất của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau về trình độ trang bị kĩ thuật và công nghệ, trình độ nghề nghiệp, vốn, trình độ quản lí, điều kiện nguyên, nhiên vật liệu, môi trường sản xuất, kinh doanh, nên chất lượng hàng hóa, chi phí sản xuất khác nhau, làm cho kết quả sản xuất, kinh doanh giữa họ không giống nhau: có người thu lợi nhuận nhiều, có người thu lợi nhuận ít, có người thua thiệt, mất vốn, phá sản,... Để giành lấy những điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, tất yếu giữa họ có sự cạnh tranh với nhau.

- Mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là nhằm giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

+ Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác

+ Giành ưu thế về khoa học và công nghệ

+ Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng

+ Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán,

Câu 2 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Cạnh tranh có những loại nào? Lấy ví dụ để minh họa.

Trả lời:

Tùy theo các căn cứ khác nhau, người ta chia cạnh tranh thành các loại:

- Cạnh tranh giữa người bán với nhau: thường xuất hiện khi trên thị trường nhiều người có cùng loại hàng hóa đem bán, nhưng có ít người mua hàng hóa đó.

+ Ví dụ: Trên cùng một khu phố có nhiều người cùng mở hiệu cắt tóc, giữa họ tất yếu có sự cạnh tranh để giành khách hàng, theo đó giành nhiều lợi nhuận hơn người khác. Muốn vậy họ phải nâng cao tay nghề, thái độ phục vụ tốt, địa điểm thuận lợi, giá thấp để được khách lựa chọn.

- Cạnh tranh giữa người mua với nhau: thường xuất hiện khi trên thị trường hàng hóa đem bán ra ít nhưng người mua hàng hóa đó quá nhiều.

+ Ví dụ: dịp tết đến, mọi người rất chú ý đến những loại hoa quả độc đáo như dưa hấu, bưởi, dưa hình thỏi vàng, hình ông tiên... nhưng những loại hoa quả tạo hình như thế có rất ít mà người muốn mua lại rất đông, tất yếu giữa họ phải có cạnh tranh bằng cách đưa ra mức giá cao hơn.

- Cạnh tranh giữa các ngành: là sự ganh đua về kinh tế giữa các doanh nghiệp trong các ngành sản xuất khác nhau.

+ Giả sử trong xã hội có ba ngành sản xuất A, B, C cùng cạnh tranh với nhau nhằm mục đích tìm nơi đầu tư có nhiều lợi nhuận, muốn vậy họ phải di chuyển các yếu tố của sản xuất từ ngành có lợi nhuận thấp sang ngành có lợi nhuận cao. Nhưng việc di chuyển này chỉ có thể thực hiện khi có những điều kiện như giao thông vận tải phải phát triển; việc cho vay vốn của ngân hàng được đảm bảo và việc cung ứng máy móc, thiết bị kỹ thuật công nghệ cho ngành mới phải sẵn sàng. Để tối đa hóa lợi nhuận, các ngành A, B, C tất yếu phải cạnh tranh với nhau. Thực chất cuộc cạnh tranh này là cạnh tranh giành giật các điều kiện sản xuất, kinh doanh có lợi nói trên giữa các ngành A, B, C với nhau.

- Cạnh tranh trong nước với nước ngoài: Loại cạnh tranh này xuất hiện khi thị trường vượt khỏi phạm vi trong nước để vươn ra thị trường khu vực và thế giới, gắn với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Ví dụ: Nhờ đổi mới mô hình kinh tế, việc sản xuất lương thực nước ta không chỉ đủ cho nhân dân ta tiêu dùng, dự trữ dồi dào, mà còn tham gia xuất khẩu lương thực (gạo) trên thị trường thế giới. Và tất yếu chúng ta phải tham gia cạnh tranh với một

số chủ thể kinh tế khác cùng xuất khẩu lương thực như nước ta như: Thái Lan, Mỹ, Ấn Độ,

Câu 3 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Khi nước ta là thành viên của tổ chức Thương mại thế giới (WTO), theo em, tính chất và mức độ cạnh tranh sẽ diễn ra theo hướng nào (êm dịu hay gay gắt quyết liệt)? Tại sao?

Trả lời:

- Khi nước ta là thành viên của tổ chức thương mại thế giới, theo em tính chất và mức độ cạnh tranh sẽ diễn ra theo hướng gay gắt, quyết liệt.

- Vì trình độ phát triển của cạnh tranh không đồng đều và lợi ích kinh tế khác nhau giữa nhóm nước công nghiệp phát triển với nhóm nước đang phát triển (trong đó có Việt nam) sẽ làm sự cạnh tranh diễn ra gay gắt và quyết liệt, đòi hỏi nước ta phải có sự thay đổi một cách mạnh mẽ.

Câu 4 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Từ tính hai mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh, hãy cho biết Nhà nước cần làm gì để phát huy mặt tích cực và khắc phục được mặt hạn chế của cạnh tranh hiện nay ở nước ta?

Trả lời:

*Tính hai mặt của cạnh tranh:

- Mặt tích cực: Cạnh tranh giữ vai trò là một động lực kinh tế của sản xuất và lưu thông hàng hóa.

+ Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên.

+ Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước vào việc đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Mặt hạn chế:

+ Chạy theo mục tiêu lợi nhuận một cách thiếu ý thức, vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên làm cho môi trường, môi sinh suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng

+ Để giành giật khách hàng và lợi nhuận nhiều hơn, một số người không từ những thủ đoạn phi pháp, bất lương.

+ Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường, từ đó nâng giá lên cao làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân

Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hóa, vừa có mặt tích cực vừa có mặt hạn chế nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội, còn mặt hạn chế của cạnh tranh thì Nhà nước sẽ điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp để hạn chế vi phạm pháp luật (làm hàng giả, bán hàng quốc cấm, dùng thủ đoạn phi pháp, rối loạn thị trường...), mở rộng thị trường, nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 5 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Có ý kiến cho rằng: Để phát huy mặt tích cực của cạnh tranh ở nước ta hiện nay, Nhà nước chỉ cần đề ra giải pháp khắc phục mặt hạn chế của cạnh tranh. Điều đó đúng hay sai? Tại sao?

Trả lời:

- Ý kiến đó chưa đúng vì:

- Để phát huy mặt tích cực của cạnh tranh ở nước ta hiện nay, chúng ta vừa phải khắc phục hạn chế vừa tiến hành cải tiến khoa học kỹ thuật, tăng cường sự quản lý và giáo dục, nâng cao đời sống nhân dân, có như vậy mới có thể tăng khả năng cạnh tranh lành mạnh. Vì trong nền kinh tế, sự cạnh tranh luôn luôn vận động và biến đổi nên những yếu tố tích cực cũng sẽ dần thay đổi và mất vị trí của nó.

Câu 6 (trang 42 sgk Giáo dục công dân 11): Em hiểu thế nào là cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh? Khi thấy có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, em sẽ xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Cạnh tranh lành mạnh là cạnh tranh đúng pháp luật và chuẩn mực đạo đức, có tác dụng kích thích kinh tế thị trường phát triển đúng hướng.
- Cạnh tranh không lành mạnh là sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức, làm rối loạn và kìm hãm sự phát triển của kinh tế thị trường.
- Khi thấy có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh em sẽ báo ngay với các cơ quan chức năng để có biện pháp giải quyết kịp thời.

(T3)

3. Tính hai mặt của cạnh tranh. (

a. Mặt tích cực của cạnh tranh.

- Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên.
- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước vào việc đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Mặt hạn chế của cạnh tranh.

- Chạy theo mục tiêu lợi nhuận một cách thiếu ý thức, vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên làm cho môi trường, môi sinh suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng.
- Để giành giật khách hàng và lợi nhuận nhiều hơn, một số người không từ những thủ đoạn phi pháp và bất lương.
- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường, từ đó nâng giá lên cao làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

• CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Khái niệm cung – cầu

a. Khái niệm cầu

Khái niệm cầu: là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

b. Khái niệm Cung:

Cung là khối lượng hàng hóa dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

(T4)

2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa

a. Nội dung của quan hệ cung - cầu

Là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán và người mua hay giữa người sản xuất với người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá dịch vụ

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau

- Khi cầu tăng $\rightarrow$ sản xuất mở rộng $\rightarrow$ cung tăng

- Khi cầu giảm $\rightarrow$ sản xuất giảm $\rightarrow$ cung giảm

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

- Khi cung = cầu $\rightarrow$ giá cả = giá trị

- Khi cung > cầu $\rightarrow$ giá cả < giá trị

- Khi cung < cầu $\rightarrow$ giá cả > giá trị.

+ Giá cả ảnh hưởng đến cung – cầu thị trường

Phía cung: Khi giá cả tăng $\rightarrow$ sản xuất mở rộng $\rightarrow$ cung tăng nhưng ngược lại giá giảm $\rightarrow$ sản xuất thu hẹp $\rightarrow$ cung giảm.

Phía cầu: Khi giá cả giảm $\rightarrow$ cầu thường sẽ có xu hướng tăng và ngược lại giá tăng nhu cầu giảm.

b) Vai trò của quan hệ cung cầu

(HS đọc thêm)

3. Vận dụng quan hệ cung – cầu

*** Đối với nhà nước:** thông qua việc điều tiết cung – cầu trên thị trường

- **Khi cung < cầu do khách quan**, điều tiết bằng cách sử dụng lực lượng dự trữ giảm giá để tăng cung

- **Khi cung < cầu do tự phát**, đầu cơ, tích trữ, điều tiết bằng cách xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.

Vd: Xử phạt các doanh nghiệp cũng như các cá nhân có hành vi đầu cơ làm cho hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt: đầu cơ gạo, xăng dầu

- **Khi cung > cầu quá nhiều**, có biện pháp kích cầu (tăng đầu tư, tăng lương....) để tăng cầu.

*** Đối với người sản xuất kinh doanh:** Nắm vững các trường hợp cung cầu để ra quyết định

- Thu hẹp sản xuất kinh doanh khi cung > cầu, giá cả < giá trị có thể bị thua lỗ

- Khi cung < cầu, giá cả > giá trị thì chuyển sang sản xuất, kinh doanh mặt hàng khác.

- Hạ giá, bán chịu, trả góp, thậm chí thua lỗ ... để thu hồi vốn chuyển sang mặt hàng kinh doanh khác (cung > cầu)

*** Đối với người tiêu dùng:** Nắm vững các trường hợp cung- cầu để ra quyết định mua hay không mua

- Giảm mua các mặt hàng khi cung < cầu và giá cả cao

- Chuyển sang mua các mặt hàng khi cung > cầu và giá cả thấp

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 47 sgk Giáo dục công dân 11): Cầu là gì? Cung là gì? Tại sao người bán và người mua lại quan tâm đến nhu cầu có khả năng thanh toán?

Trả lời:

- Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

- Cung là khối lượng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

- Người bán và người mua quan tâm đến nhu cầu có khả năng thanh toán vì cầu là gọi tắt của nhu cầu có khả năng thanh toán, tức là nhu cầu mà người tiêu dùng cần mua được bảo đảm bằng số lượng tiền mà họ sẵn có tương ứng. Như vậy, chỉ khi có khả năng thanh toán thì cầu mới xuất hiện.

Câu 2 (trang 47 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích nội dung của quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trả lời:

- Quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

- Cung – cầu tác động lẫn nhau: khi cầu tăng lên, sản xuất, kinh doanh mở rộng, lượng cung hàng hóa tăng lên và ngược lại, khi cầu giảm xuống, sản xuất, kinh doanh thu hẹp, lượng cung hàng hóa giảm xuống.

- Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường: Khi cung lớn hơn cầu, hoặc cung nhỏ hơn cầu đều ảnh hưởng đến giá cả thị trường. Trường hợp cung lớn hơn cầu thì giá cả thị trường thường thấp hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất. Còn trường hợp cung nhỏ hơn cầu, giá cả thị trường thường cao hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất. Chỉ khi cung bằng cầu thì giá cả thị trường mới bằng giá trị hàng hóa trong sản xuất.

- Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu:

+ Về phía cung: Khi giá cả tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, lượng cung tăng lên và ngược lại, khi giá cả giảm xuống, các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, lượng cung giảm xuống.

+ Về phía cầu: Khi giá cả giảm xuống thì cầu có xu hướng tăng lên và ngược lại.

- Các trường hợp cung – cầu thường vận động không ăn khớp với nhau, nói cách khác, thường diễn ra thông qua các trường hợp cung lớn hơn cầu hoặc cung nhỏ hơn cầu. Cung bằng cầu xảy ra chỉ là kết quả của việc san bằng sự chênh lệch giữa giá cả và giá trị hàng hóa, thông qua quá trình cạnh tranh giữa người bán và người mua trên thị trường khi xét toàn bộ hàng hóa đem ra lưu thông.

Câu 3 (trang 47 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích vai trò của mối quan hệ cung – cầu

Trả lời:

Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, quan hệ cung – cầu có vai trò to lớn:

Là cơ sở để nhận thức vì sao giá cả trên thị trường và giá trị hàng hóa trong sản xuất lại không ăn khớp với nhau. Giá cả thị trường có thể bằng, lớn hoặc nhỏ hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất.

Buộc người sản xuất, kinh doanh phải nắm vững các trường hợp vận động của cung – cầu để đưa ra quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Là cơ sở để người tiêu dùng lựa chọn việc mua hàng hóa cho phù hợp với nhu cầu và có hiệu quả kinh tế tương ứng với các trường hợp quan hệ cung – cầu trên thị trường.

Câu 4 (trang 47 sgk Giáo dục công dân 11): Khi là người bán hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

a. Cung = cầu

b. Cung > cầu

c. Cung < cầu

Trả lời:

a. Cung = cầu: Giá cả bằng giá trị hàng hóa à có lãi

b. Cung < cầu: Giá cả thấp hơn giá trị hàng hóa à bị lỗ

c. Cung > cầu: Giá cả cao hơn giá trị hàng hóa à có lãi nhiều hơn cung = cầu

=< Lựa chọn trường hợp cung > cầu.

Câu 5 (trang 48 sgk Giáo dục công dân 11): Khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:

a. Cung = cầu

b. Cung > cầu

c. Cung < cầu

Trả lời:

a. Cung = cầu: Giá cả bằng giá trị hàng hóa

b. Cung > cầu: Giá cả thấp hơn giá trị hàng hóa

c. Cung < cầu: Giá cả cao hơn giá trị hàng hóa

=> Chọn trường hợp cung > cầu

Câu 6 (trang 48 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy lấy ví dụ minh họa về sự điều tiết của Nhà nước, khi trên thị trường quan hệ cung – cầu bị rối loạn ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trả lời:

- Khi miền Trung nước ta liên tục bị lũ lụt, đồng bằng Nam Bộ bị hạn hán, xâm nhập mặn, Nhà nước đã thông qua các chính sách nhằm lập lại cân đối cung cầu như giảm thuế, trợ cấp vốn, trợ cấp lương thực.

- Nhưng khi có kẻ đầu cơ tích trữ hàng hóa, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân để nâng giá bán trực lợi thì bị nhà nước dùng pháp luật để trừng trị.

Câu 7 (trang 48 sgk Giáo dục công dân 11): Khi nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), theo em, mối quan hệ cung – cầu về hàng hóa và việc làm sẽ diễn ra như thế nào?

a. Thuận lợi

b. Khó khăn.

c. Vừa thuận lợi, vừa khó khăn.

Tại sao em lại chọn phương án đó?

Trả lời:

Khi nước ta là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO thì mối quan hệ cung cầu về hàng hóa và việc làm sẽ diễn ra theo hướng vừa thuận lợi, vừa khó khăn.

- Thuận lợi: Quyền bình đẳng của tất cả các thành viên của WTO được xuất khẩu hàng hóa, được chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật để hợp tác phát triển kinh tế, lượng cung về hàng hóa gia tăng, nhu cầu về việc làm gia tăng, về xuất khẩu lao động tăng,

- Khó khăn: Nước ta có trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp, năng lực quản lý đất nước chưa bằng các nước trên thế giới. Hàng hóa bị cạnh tranh gay gắt về chất lượng, mẫu mã, lượng cung về hàng hóa sẽ gặp khó khăn đối với thị trường các nước phát triển. Lượng cầu về việc làm đòi hỏi trình độ tay nghề cao, cần phải cố gắng và thay đổi nhiều mới có thể có chỗ đứng trên thị trường chung của WTO.

Bài 6:CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (T1)

A. Nội dung bài học

1. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- **Công nghiệp hoá** là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí.
- **Hiện đại hóa** là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế- xã hội.
- **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa** là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế-xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.
- **b) Tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước:**

- Tự học

2. Nội dung cơ bản của CNH, HĐH

a. Phát triển mạnh mẽ LLSX

- Phát triển mạnh mẽ LLSX phải cải tiến, đổi mới TLSX và nâng cao trình độ người LĐ.

➤ Đối với TLSX, phải thực hiện:

- Cơ khí hóa nền sản xuất xã hội bằng cách chuyển:

+ Kỹ thuật thủ công sang kỹ thuật cơ khí.

+ Văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.

- Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành của nền kinh tế quốc dân.

➤ Đối với người lao động:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong đó gắn CNHHĐH với phát triển kinh tế tri thức.

b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả.

- Cơ cấu kinh tế hợp lý
- + Khai thác tối đa nguồn lực của đất nước
- + Tăng qui mô GDP thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- + Tiến bộ và công bằng xã hội.
- Cơ cấu kinh tế hiện đại là được xây dựng tương đối phù hợp với xu hướng của sự tiến bộ KHKT và công nghệ mà thế giới đạt
- Cơ cấu kinh tế hiệu quả là phương án đầu tư cho việc xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đảm bảo sao cho một đồng vốn đầu tư đem lại nhiều lợi nhuận hơn trước.

c. củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của QHSX XHCN và tiến tới xác lập địa vị thống trị của QHSX XHCN trong toàn bộ nền KTQD

- (Cho Hs đọc thêm)

(T2)

3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Cần có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước
- Trong sản xuất kinh doanh cần lựa ngành, mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với thị trường trong nước và thế giới.
- Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất để tạo nhiều sản phẩm chất lượng cao, giá thành thấp, có khả năng chiếm lĩnh thị trường nhằm tối đa hoá lợi nhuận.
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng hiện đại, đáp ứng nguồn lao động có kỹ thuật cho sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Từ khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, em hãy cho biết tại sao ở nước ta công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa?

Trả lời:

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

- CNH phải gắn liền với HĐH là vì CNH là biến đổi cơ bản lao động thủ công thành lao động tiên tiến hiện đại, nhưng nếu dừng lại ở chỗ này thì CNH không có giá trị mà chúng ta phải áp dụng CNH đó vào các ngành sản xuất, lưu thông, dịch vụ, quản lý thì sự CNH đó mới thật sự đúng nghĩa và đem lại lợi ích cho đất nước. Việc áp dụng CNH vào các mặt của đất nước ta gọi đó là HĐH, do đó CNH phải gắn liền với HĐH.

Câu 2 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

Trả lời:

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền công nghiệp lớn hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, trình độ xã hội hóa cao, dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ tiên tiến, được hình thành và phân bố có kế hoạch trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, kĩ thuật – công nghệ giữa nước ta với các nước trong khu vực và thế giới. Sau hơn 20 năm đổi mới, nhất là 10 năm 2001 – 2010, nền kinh tế nước ta đã đạt những thành tựu rất quan trọng, trong đó cơ sở vật chất – kĩ thuật bước đầu được tăng cường. Tuy nhiên, đất nước vẫn đang tồn tại nhiều yếu kém, sự yếu kém này đã và đang là nguyên nhân làm hạn chế chất lượng tăng trưởng, chất lượng cạnh tranh và chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là khi nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội. Xã hội sau muốn tiến bộ hơn xã hội trước, thì điều

trước hết và chủ yếu là phải làm cho năng suất lao động của xã hội sau cao hơn hẳn năng suất lao động của xã hội trước, mà điều đó chỉ có thể trông chờ ở việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Câu 3 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trả lời:

- Tạo điều kiện để phát triển lực lượng sản xuất và tăng năng suất lao động xã hội, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân.

- Tạo lực lượng sản xuất mới làm tiền đề cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối quan hệ liên minh giữa công nhân – nông dân – trí thức.

- Tạo tiền đề hình thành và phát triển nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa – nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tạo cơ sở vật chất – kĩ thuật cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, củng cố và tăng cường quốc hòng an ninh.

Câu 4 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

Trả lời:

- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất:

+ Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội, bằng cách chuyển nền kinh tế từ chỗ dựa trên kĩ thuật thủ công sang dựa trên kĩ thuật cơ khí, chuyển nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp.

+ Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành của nền kinh tế quốc dân. Thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại gắn với “hiện đại hóa”,

gắn với cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, gắn với bước chuyển từ văn minh công nghiệp sang văn minh hậu công nghiệp.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện bằng cách gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức.

- Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại, hiệu quả:

+ Cơ cấu kinh tế là tổng thể hữu cơ giữa cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế, trong đó, cơ cấu ngành kinh tế là quan trọng nhất vì nó là cốt lõi của cơ cấu kinh tế. Thực hiện nội dung này thông qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự chuyển đổi từ cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả và bất hợp lí sang một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại, hiệu quả. Xu thế của sự chuyển dịch này là đi từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế nông, công nghiệp và phát triển lên thành cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.

+ Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế tri thức là tiền đề chi phối xu hướng dịch chuyển cơ cấu lao động trong từng thời kì ở nước ta.

- Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Như vậy, ba nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thực chất của mối quan hệ này là mối quan hệ biện chứng nhân quả giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Câu 5 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội là gì? Em có nhận xét gì về cơ sở vật chất – kĩ thuật của nước ta hiện nay?

Trả lời:

- Cơ sở vật chất - kĩ thuật của xã hội chủ nghĩa là cơ sở hạ tầng như: hệ thống điện lưới, đường giao thông, hệ thống trường học, trạm y tế, bệnh viện, v.v...

- Cơ sở vật chất chúng ta hiện nay còn yếu, đường sá bị quá tải, ùn tắc giao thông xảy ra thường xuyên nhất là ở các thành phố lớn, điện lưới vẫn chưa thật đáp ứng được yêu cầu của đất nước vì phần nhiều là thủy điện lệ thuộc vào thời tiết. Hệ thống trường học, trung tâm y tế, được mở rộng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

Câu 6 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Chọn ý kiến đúng trong các ý kiến sau về việc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta và lí giải ngắn gọn vì sao lại chọn ý kiến đó.

a. Nước ta tự nghiên cứu và xây dựng.

b. Nhận chuyển giao kĩ thuật và công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến.

c. Kết hợp vừa tự nghiên cứu và xây dựng vừa nhận chuyển giao kĩ thuật và công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến.

Trả lời:

- Chọn đáp án C: Xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần kết hợp vừa tự nghiên cứu và xây dựng, vừa nhận chuyển giao kĩ thuật và công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến.

- Vì như vậy ta vừa có thể đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách với các nền kinh tế phát triển, đồng thời vẫn tự lực để có thể phát triển, không phải dựa dẫm, không ỉ lại vào thế lực, đất nước nào, tăng cường địa vị của nước ta trên trường quốc tế, xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại.

âu 7 (trang 55 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trả lời:

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể hữu cơ giữa cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế, trong đó, cơ cấu ngành kinh tế là quan trọng nhất vì nó là cốt lõi của cơ cấu kinh tế. Thực hiện nội dung này thông qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự chuyển đổi từ cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả và bất hợp lý sang một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả.

- Xu hướng của sự chuyển dịch này là đi từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế nông, công nghiệp và phát triển lên thành cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.

- Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế tri thức là tiền đề chi phối xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong từng thời kỳ ở nước ta.

Câu 8 (trang 56 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đồng thời với chuyển dịch cơ cấu lao động? Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay?

Trả lời:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm tăng mối quan hệ với các nước phát triển về các ngành sản xuất công nghiệp, sự giao lưu, trao đổi về các yếu tố sản xuất càng khăng khít hơn.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm tăng việc làm trong công nghiệp và dịch vụ, mở rộng cơ hội tìm việc, đảm bảo hơn về thu nhập cho người lao động.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển, do vậy giúp cho người lao động có sự linh hoạt hơn trong lựa chọn các công việc phù hợp, tạo điều kiện mở rộng thị trường lao động, đặc biệt là thị trường lao động cho khu vực kinh tế liên doanh và kinh tế tư nhân

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế cùng với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ khí hoá nông nghiệp có tác dụng hạn chế dòng di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, giảm sức ép đáng kể cho nhu cầu lao động thành phố.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã làm tăng yêu cầu đối với chất lượng lao động. Nó đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn nhất định do phát triển một số ngành công nghiệp có trình độ cao như công nghệ thông tin, chế tạo máy.

Vì những lý do trên nên chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đồng thời chuyển dịch cơ cấu lao động.

Ở Việt Nam đang trong quá trình CNH-HĐH, nền kinh tế đang dần tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp. Nhưng trước kia cơ cấu lao động nước ta phân bố chủ yếu ở ngành nông nghiệp, trình độ chuyên môn chưa cao. Vì vậy khi đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang công nghiệp và dịch vụ thì phải chuyển dịch cơ cấu lao động cho phù hợp và đáp ứng được cơ cấu kinh tế, tức đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp.

Câu 9 (trang 56 sgk Giáo dục công dân 11): Là một công dân, trong khi học và sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, em phải làm gì để góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trả lời:

Em cần:

- Nhận thức đúng đắn về sự cần thiết khách quan và tác dụng to lớn của CNH – HĐH đất nước, một nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên CNXH

- Xây dựng cho bản thân động cơ, quyết tâm, phương pháp học tập góp phần tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước.

- Biết lựa chọn ngành nghề phù hợp với khả năng, ra sức học tập nắm bắt kỹ thuật công nghệ để sau khi ra trường phục vụ trực tiếp sự nghiệp CNH – HĐH

PHẦN HAI

CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Chủ đề: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

• THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

A. Nội dung bài học

1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần (T1)

a. Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.

❖ Khái niệm thành phần kinh tế

Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

Có 3 hình thức sở hữu cơ bản:

- Sở hữu toàn dân.
- Sở hữu tập thể.
- Sở hữu tư nhân.

❖ Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

- Ở nước ta các thành phần kinh tế mới và cũ cùng tồn tại do các thành phần kinh tế cũ chưa cải biến ngay được và các thành phần kinh tế mới chưa đủ mạnh

- LLSX trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta còn thấp kém và ở nhiều trình độ khác nhau nên có nhiều hình thức sở hữu về TLSX khác nhau.

+ Đầu tư cho sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

- + Xây dựng và phát triển KTTT theo định hướng XHCN.
- + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- + Giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập.
- + Nâng cao đời sống.
- + Giảm các tệ nạn xã hội

b. Các thành phần kinh tế ở nước ta

Đọc thêm

c. Trách nhiệm của công dân đối với nền kinh tế nhiều thành phần

- Tin tưởng, ủng hộ và chấp hành tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.
- Tham gia lao động sản xuất ở gia đình.
- Vận động người thân trong gia đình đầu tư vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức sản xuất kinh doanh trong các thành phần kinh tế, các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
- Chủ động tìm việc làm phù hợp với khả năng.

3. Vai trò quản lý kinh tế của nhà nước :

(Học sinh tham khảo thêm)

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 64 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày khái niệm thành phần kinh tế và căn cứ để xác định thành phần kinh tế ở nước ta.

Trả lời:

- Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.
- Thành phần kinh tế liên quan đến mối quan hệ giữa người với người trong việc chiếm hữu tư liệu sản xuất. Sở hữu tư liệu sản xuất được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với từng giai đoạn khác nhau và là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế.

Câu 2 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

Trả lời:

- Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta:

+ Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta vẫn tồn tại một số thành phần kinh tế của xã hội trước đây, chưa thể cải biến ngay được, đồng thời trong quá trình xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa lại xuất hiện thêm một số thành phần kinh tế mới như kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, Các thành phần kinh tế cũ và mới tồn tại khách quan và có quan hệ với nhau, tạo thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kì quá độ.

+ Nước ta bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội với lực lượng sản xuất thấp kém và nhiều trình độ khác nhau, nên có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất khác nhau. Hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất là căn cứ trực tiếp để xác định các thành phần kinh tế.

Câu 3 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Thành phần kinh tế nhà nước là gì? Phân tích vai trò của thành phần kinh tế nhà nước. Theo em cần phải làm gì để tăng cường vai trò của thành phần kinh tế nhà nước hiện nay ở nước ta?

Trả lời:

- Thành phần kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất.

- Kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà nước và các tài sản thuộc sở hữu nhà nước có thể đưa vào sản xuất kinh doanh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các vị trí, các lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

- Để tăng cường vai trò của thành phần kinh tế nhà nước hiện nay cần...

Câu 4 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Thành phần kinh tế tập thể là gì? Vai trò và mối quan hệ giữa nó với thành phần kinh tế nhà nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

Trả lời:

- Thành phần kinh tế tập thể là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, bao gồm nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

- Hợp tác xã là những đơn vị kinh tế được xây dựng dựa trên các nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lí dân chủ và có sự giúp đỡ của Nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển và cùng với kinh tế nhà nước “ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”.

- Mối quan hệ giữa thành phần kinh tế tập thể với thành phần kinh tế nhà nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

Câu 5 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày khái niệm, cơ cấu và vai trò của thành phần kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

- Kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

- Cơ cấu và vai trò của thành phần kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay:

+ Kinh tế cá thể, tiểu chủ, dựa trên hình thức tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và lao động của bản thân người lao động. Kinh tế cá thể, tiểu chủ có vị trí rất quan trọng trong nhiều ngành nghề, có điều kiện phát huy nhanh và hiệu quả tiềm năng về vốn, sức lao động, tay nghề của từng gia đình, từng người lao động. Do đó, việc mở rộng sản xuất, kinh doanh của kinh tế cá thể, tiểu chủ được Nhà nước khuyến khích phát triển.

+ Kinh tế tư bản tư nhân dựa trên chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Kinh tế tư bản tư nhân có vai trò đáng kể trong việc phát triển kinh tế thị trường, giải quyết việc làm cho người lao động, có những đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, do đó cần được khuyến khích phát triển trong những ngành nghề sản xuất kinh doanh mà pháp luật không cấm.

Câu 6 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Thành phần kinh tế tư bản nhà nước là gì? Cho ví dụ. Tại sao nói thành phần kinh tế tư bản nhà nước giữ vai trò là “cầu nối” để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?

Trả lời:

- Thành phần kinh tế tư bản nhà nước là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước hoặc với tư bản nước ngoài, thông qua các hình thức hợp tác như: hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh.

- Ví dụ:

Nói thành phần kinh tế tư bản nhà nước giữ vai trò là “cầu nối” để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta vì đây là thành phần kinh tế có tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý, nên có những đóng góp không nhỏ cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Hơn nữa, phát triển kinh tế tư bản nhà nước còn là giải pháp để nâng cao sức cạnh tranh và kinh doanh có hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay. Do vậy, phát triển kinh tế tư bản nhà nước là đòi hỏi khách quan, giữ vai trò là hình thức kinh tế trung gian, hình thức kinh tế quá độ, là cầu nối đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Câu 7 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Thành phần kinh tế nhà nước khác với thành phần kinh tế tư bản nhà nước về:

a. Hình thức sở hữu.

b. Quan hệ quản lý

c. Quan hệ phân phối.

d. Tất cả các phương án trên.

Hãy chọn phương án mà em cho là đúng. Vì sao?

Trả lời:

Chọn đáp án D: Tất cả các phương án trên.

Vì:

- Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu

- Kinh tế tư bản nhà nước là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước hoặc với tư bản nước ngoài, thông qua các hình thức hợp tác như hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh.

Câu 8 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Theo em, sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tìm kiếm việc làm có gì khác với trước đây khi nền kinh tế nước ta còn tình trạng bao cấp?

Trả lời:

Nền kinh tế nhiều thành phần tạo công ăn việc làm cho người dân, giúp cơ hội tìm kiếm việc làm nhiều hơn, công việc phong phú hơn đa dạng hơn, mức lương cũng sẽ khác so với nền kinh tế trước đây và chúng ta có thể tham gia vào bất kì thành phần kinh tế nào để có được thu nhập chính đáng cho bản thân và gia đình mình.

Câu 9 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Phân tích vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

- Trong lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước, ở mỗi thời kì khác nhau, vai trò quản lí kinh tế của nhà nước có mức độ khác nhau.

- Trong giai đoạn đầu của kinh tế thị trường, giai đoạn mà ở đó cơ chế vận hành của nó là cơ chế thị trường tự điều chỉnh thì chưa có sự can thiệp của nhà nước. Chỉ đến những thập niên đầu thế kỉ XX, khi kinh tế thị trường tự do chuyển sang kinh tế thị trường hiện đại, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước, thì lúc này việc quản lí kinh tế của nhà nước đối với nền kinh tế mới đặt ra như là một tất yếu khách quan không chỉ đối với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa mà cả với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Trong chủ nghĩa xã hội, nhà nước với tư cách là người đại diện cho chế độ sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất và đại diện cho xã hội thực hiện việc điều tiết và quản lí kinh tế, đảm bảo nền kinh tế - xã hội phát triển ổn định và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Ở nước ta, để phát huy vai trò tích cực, khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường, Nhà nước không thể không điều tiết và quản lí nền kinh tế. Cần nhấn mạnh rằng chỉ có nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có khả năng giải quyết hiệu quả và triệt để những hạn chế của kinh tế thị trường, đưa kinh tế thị trường nước ta phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 10 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao phải tăng cường vai trò và nâng cao hiệu lực quản lí kinh tế của nhà nước? Theo em, muốn tăng cường vai trò và nâng cao hiệu lực quản lí kinh tế của Nhà nước, cần có những giải pháp nào? Tại sao?

Trả lời:

* Sự cần thiết, khách quan phải có vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước :

- Do yêu cầu phải thực hiện vai trò của chủ sở hữu Nhà nước về TLSX (vốn) đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

- Nền kinh tế hàng hoá (các tác động tiêu cực) cần phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực; tạo sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội.

- Đảm bảo đúng mục tiêu XHCN trong xây dựng đất nước: giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh cần có sự quản lý của Nhà nước.

* Tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý nền ktế của Nhà nước:

- Tiếp tục đổi mới công cụ để tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng; giữ vững định hướng XHCN;

- Tăng cường lực lượng vật chất của Nhà nước để điều tiết thị trường: dự trữ quốc gia, trang bị công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ quản lý nền kinh tế và các doanh nghiệp Nhà nước;

- Tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước trên cơ sở phát triển mạnh mẽ LLSX hiện đại gắn với xây dựng QHSX mới phù hợp trên cả 3 mặt: Sở hữu, Quản lý, Phân phối.

- Nhà nước quản lý kinh tế bằng pháp luật, chính sách và phương pháp quản lý, chiến lược

- Phân phối theo lao động

Câu 11 (trang 65 sgk Giáo dục công dân 11): Em có dự định sẽ hoạt động trong thành phần kinh tế nào? Tại sao lại lựa chọn thành phần kinh tế đó?

Trả lời:

Học sinh tự đưa ra định hướng nghề nghiệp của bản thân và giải thích

Ví dụ:

+ Thành phần kinh tế nhà nước: Bình yên, ổn định, được hỗ trợ

+ Thành phần kinh tế tư bản: Cạnh tranh, lợi nhuận tính theo năng lực, năng động

• CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (T2)

A. Nội dung bài học

1. Chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

a. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa

(Học sinh tham khảo thêm)

b. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta xác định, chủ nghĩa xã hội ở nước ta có những đặc trưng sau:

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ
- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- Có nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

(T3)

2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

a. Tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

*Hai hình thức quá độ đi lên CNXH là:

Một là: Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNXH.

Hai là: Quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ TBCN.

- Khi đất nước thống nhất thì ở nước ta chưa có CNXH với đầy đủ và hoàn chỉnh những đặc trưng của nó.

b. Đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

(Học sinh tham khảo thêm)

- Chính trị: Vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được tăng cường, NN ngày càng được củng cố và hoàn thiện.

- Kinh tế: Tồn tại nền KT HH nhiều thành phần, theo định hướng XHCN; KT Nhà nước giữ vai trò chủ đạo
- Tư tưởng, VH: còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu, những tàn dư, tư tưởng của xã cũ. (HS tự nêu VD)
- XH : còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp. Đời sống nd còn chênh lệch, vẫn còn sự khác biệt giữa trí óc và chân tay.

B. Câu hỏi vận dụng

- Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xây dựng chế độ xã XHCN.

Vì:

- + Chỉ có đi lên CNXH thì đất nước mới thực sự độc lập.
- + Chỉ có CNXH mới xóa bỏ tận gốc cơ sở sinh ra bóc lột (chế độ tư hữu về TLSX).
- + Giải phóng người lao động khỏi áp bức, bóc lột, đưa họ từ người nô lệ trở thành người làm chủ xã; mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc; mọi người có điều kiện phát triển toàn diện.

=> Như vậy tất yếu đi lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta là xu thế phát triển tất yếu của thời đại.

- Nước ta đi lên CNXH theo hình thức quá độ gián tiếp từ xã hội tiền TBCN lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

- Đảng và nhân dân ta lựa chọn con đường đi lên CNXH vì:

- + Đi lên CNXH thì đất nước mới có độc lập thật sự.
- + Đi lên CNXH mới xóa bỏ được áp bức bóc lột.
- + Đi lên CNXH mới đem lại cho người dân cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; mọi người mới có điều kiện phát triển toàn diện

- **KL:** Thời kì quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều yếu tố khác nhau, thậm chí đối lập nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Cùng những bước tiến trong quá trình xây dựng CNXH, các nhân tố tích cực của CNXH ngày càng phát triển và chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã đảm bảo CNXH được xây dựng thành công.

C. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Hai giai đoạn phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?

Trả lời:

- Sự khác nhau của hai giai đoạn phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa là:

+ Giai đoạn đầu (hay giai đoạn thấp) của xã hội cộng sản chủ nghĩa gọi là chủ nghĩa xã hội với đặc trưng là sự phát triển kinh tế, đặc biệt là sự phát triển của lực lượng sản xuất mới đạt tới giới hạn bảo đảm cho xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

+ Giai đoạn sau (hay giai đoạn cao) của xã hội cộng sản chủ nghĩa gọi là chủ nghĩa cộng sản. Ở giai đoạn này, sự phát triển mạnh mẽ của nền sản xuất xã hội, đặc biệt là sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ tạo ra năng suất lao động rất cao và ngày càng tăng, các nguồn của cải dồi dào, xã hội có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để thực hiện nguyên tắc phân phối “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”

- Sự khác nhau đó là ở mỗi giai đoạn, sự phát triển kinh tế, trong đó sự phát triển của lực lượng sản xuất khác nhau dẫn đến nguyên tắc phân phối sản phẩm xã hội cũng khác nhau.

Câu 2 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Theo em, đặc trưng nào được thể hiện rõ nhất trong thực tiễn cuộc sống hiện nay ở nước ta?

Trả lời:

- Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

- + Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;
- + Do nhân dân làm chủ;
- + Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;
- + Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

+ Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện;

+ Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;

+ Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản;

+ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- Đặc trưng được thể hiện rõ nhất trong thực tiễn hiện nay ở nước ta là “nhà nước do nhân dân làm chủ, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”

Câu 3 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Tại sao nói, nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan?

Trả lời:

Sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn con đường phát triển tiếp theo là đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn đúng đắn vì:

+ Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội thì đất nước mới thực sự độc lập

+ Đi lên chủ nghĩa xã hội mới xóa bỏ được áp bức, bóc lột

+ Đi lên chủ nghĩa xã hội mới có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc; mọi người mới có điều kiện phát triển toàn diện.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt những năm đổi mới do Đảng ta lãnh đạo đã chứng minh điều đó là đúng đắn.

Đảng ta đã khẳng định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí

thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Như vậy, quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với điều kiện lịch sử, nguyện vọng của nhân dân và xu thế phát triển của thời đại

Câu 4 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Em hiểu thế nào là “quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”?

Trả lời:

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa về cơ bản là “bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Bỏ qua việc xác lập vị trí chi phối của quan hệ sản xuất TBCN trong nền sản xuất xã hội đang vận động đi lên CNXH, cũng có nghĩa ở đó còn tồn tại ở mức độ nhất định các quan hệ sản xuất tư bản và tiền tư bản, chúng vận động và tác động đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội đang định hướng đi lên CNXH. Chính vì vậy, trong thực tiễn cần có những chính sách để các quan hệ này vận động, đóng góp vào sự tăng trưởng chung, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực của chúng.

Câu 5 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Theo em, chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt hơn so với các chế độ xã hội trước đây ở nước ta ở điểm nào?

Trả lời:

Chế độ xã hội chủ nghĩa là nhà nước do dân và vì dân nên nó khác các xã hội trước như sau:

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.
- Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.
- Các dt trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Câu 6 (trang 73 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu một vài biểu hiện về những tàn dư của xã hội cũ cần phải đấu tranh khắc phục ở nước ta hiện nay (hay ở địa phương mình). Là học sinh phổ thông, em có thể làm gì để khắc phục tàn dư đó?

Trả lời:

- Những tàn dư xã hội cũ:
 - + Tham nhũng
 - + Mê tín dị đoan
 - + Tảo hôn
 - + Trọng nam, khinh nữ
 - + Trọng giàu, khinh nghèo
 - + Áp bức bóc lột, coi quan lại cán bộ là có quyền áp bức.

- Cần làm:

+ Luôn ý thức tự giác học hỏi, nâng cao trình độ, rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân

+ Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật

+ Kiên quyết không làm theo những hành động đó, tuyên truyền nâng cao ý thức cho mọi người

+ Lên án, tố cáo những hành vi vi phạm.

Bài 9: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. Nội dung bài học

1) Nguồn gốc và bản chất của nhà nước (Khuyến khích HS tự học)

a) Nguồn gốc của nhà nước.

- XH cộng sản nguyên thủy chưa có nhà nước vì:

+ Trình độ của LLSX còn thấp kém, khối lượng sản phẩm chỉ đủ nhu cầu tối thiểu của các thành viên trong xh.

+ Không có dư thừa làm của riêng, chưa có tư hữu về tài sản, chưa có sự phân chia giai cấp, chưa có sự bóc lột, do đó chưa có nhà nước.

- Nhà nước đầu tiên trong lịch sử xuất hiện:

+ Thời kì cuối của xh CSNT LLSX phát triển, sự phân công lao động xh được mở rộng làm cho NSLĐ tăng lên, sản phẩm ngày càng nhiều, xuất hiện điều kiện chiếm đoạt của cải dư thừa làm tài sản riêng, người có địa vị (tù trưởng, thủ lĩnh quân sự) chiếm đoạt tài sản.

b) Bản chất của Nhà nước

Theo Mác - Lênin, Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp, do đó nhà nước bao giờ cũng mang bản chất giai cấp của một giai cấp nhất định – giai cấp thống trị. Bản chất g/c của nhà nước thể hiện:

- Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của g/c này đối với g/c khác.

Giai cấp thống trị sử dụng nhà nước để duy trì quyền lực về kinh tế, chính trị và tư tưởng đối với xã hội. Thông qua nhà nước g/c thống trị về KT, trở thành g/c thống trị

về chính trị và tư tưởng; ý chí của g/c thống trị thể hiện thành ý chí của nhà nước, bắt buộc mọi người phải tuân theo.

- Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác.

Lực lượng như quân đội, nhà tù, cảnh sát... để bảo vệ địa vị thống trị và lợi ích của mình và để đàn áp các giai cấp bị thống trị.

) Các kiểu Nhà nước.

Lịch sử XH loài người đang trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội, trong đó có 4 hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp. Tương ứng với nó là 4 kiểu nhà nước.

- Nhà nước chủ nô: Xuất hiện đầu tiên trong lịch sử.

+ Cơ sở kinh tế: CĐSH của GC chủ nô đối với TLSX và người nô lệ.

+ Bản chất: GC Chủ nô

- Nhà nước phong kiến: Ra đời khi nhà nước CHNL bị tan rã.

+ Cơ sở kinh tế: Là chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ đối với TLSX mà chủ yếu là ruộng đất.

+ Bản chất: GCĐCPK

- Nhà nước tư sản: Ra đời là kết quả của cuộc CMTS.

+ Cơ sở kinh tế: CĐTHTBCN về TLSX

+ Bản chất: GCTS

- Nhà nước XHCN: Là nhà nước cuối cùng trong lịch sử.

+ Cơ sở kinh tế: CĐ công hữu về TLSX

+ Bản chất: GCCN

Bài 9: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

a) Thế nào là nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

- Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước và công dân đều được thực hiện trên cơ sở pháp luật.

- Nhà nước pháp quyền XHCN VN là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng PL do Đảng Cộng sản VN lãnh đạo.

b) Bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

- Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, vì những thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động do g/c công nhân thông qua chính Đảng của mình là Đảng Cộng sản VN lãnh đạo.

- Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện tập trung nhất ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn bộ hoạt động của Nhà nước, xã hội đều thể hiện quan điểm g/c công nhân, nhằm thực hiện lợi ích, ý chí và nguyện vọng của g/c công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

- Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta bao hàm cả tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc:

+ Tính nhân dân của Nhà nước thể hiện: Nhà nước của ta là Nhà nước của dân, vì dân, do nhân dân lập nên và nhân dân tham gia quản lí; thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

+ Tính dân tộc của Nhà nước thể hiện: Nhà nước kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc; Nhà nước có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích cho cộng đồng các dân tộc VN và thực hiện đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

C) Chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

- Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội:

Để xd và phát triển KT- XH đất nước Nhà nước phải sử dụng sức mạnh của mình để phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưu gây rối, phá hoại, bạo loạn, xâm hại đến an ninh quốc gia, ổn định chính trị, giữ vững an ninh chính trị TTATXH, tạo đk hoà bình, ổn định cho công cuộc xd CNXH ở nước ta.

- Tổ chức và xây dựng, bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân:

+ Tổ chức xd và quản lí nền KT XHCN

+ Tổ chức xd và quản lí Văn hoá, giáo dục, khoa học

+ Tổ chức xd và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội

+ Xây dựng hệ thống PL để bảo đảm thực hiện các quyền tự do dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

KL: Hai chức năng trên có quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau; trong đó chức năng tổ chức và xd là căn bản nhất vì: Nhà nước XHCN, chức năng bảo đảm an ninh chính trị và TTATXH “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xd, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” Lê-nin.

d) Vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị(đọc thêm)

3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

- + Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.
- + Tích cực tham gia các hoạt động: Xây dựng củng cố, bảo vệ chính quyền; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- + Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.
- + Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.
- + HS tự liên hệ bản thân.

=>**GVKL:** Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước cuối cùng đã xuất hiện trong lịch sử. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng, của QCNĐLD do GCCN lãnh đạo thông qua chính Đảng của nó là ĐCS. Đi lên CNXH chúng ta phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân thực hiện mục tiêu : " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Trong lịch sử xã hội loài người, nhà nước xuất hiện từ khi nào? Tại sao khi đó nhà nước xuất hiện?

Trả lời:

- Trong lịch sử xã hội loài người, nhà nước ra đời khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, khi xã hội phân hóa thành các giai cấp, mâu thuẫn giữa các giai cấp ngày càng gay gắt đến mức không thể điều hòa được.

- Khi đó nhà nước xuất hiện vì khi lực lượng sản xuất phát triển, xuất hiện sản phẩm lao động dư thừa, quá trình tư hữu tài sản diễn ra, chế độ tư hữu hình thành, phân chia xã hội thành hai giai cấp đối lập nhau: giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp ngày càng gay gắt, không thể điều hòa được. Để duy trì trật tự và quản lý một xã hội đã có những thay đổi rất căn bản ấy đòi hỏi phải có một tổ chức với quyền lực mới do giai cấp chiếm ưu thế về kinh tế lập ra để thực hiện sự thống trị giai cấp, làm dịu bớt sự xung đột giữa các giai cấp và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng “trật tự”, bảo vệ lợi ích và địa vị của giai cấp mình, đó chính là Nhà nước.

Câu 2 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Giải thích tại sao nhà nước mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị? Cho ví dụ minh họa?

Trả lời:

- Nhà nước mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị vì:

+ Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác. Sự thống trị xét về mặt nội dung thể hiện ở ba mặt: kinh tế, chính trị, tư tưởng. Để thực hiện sự thống trị của mình, giai cấp thống trị phải tổ chức và sử dụng nhà nước để duy trì quyền lực kinh tế, chính trị và tư tưởng của mình đối với toàn xã hội. Bằng nhà nước và thông qua nhà nước, giai cấp thống trị về kinh tế trở thành giai cấp thống trị về chính trị và tư tưởng; ý chí của giai cấp thống trị được thể hiện thành ý chí nhà nước, bắt buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân theo.

+ Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác. Bất kỳ nhà nước nào cũng có những lực lượng đặc biệt được vũ trang như quân đội, cảnh sát,... Để bảo vệ địa vị thống trị và lợi ích của mình, giai cấp thống trị sử dụng những lực lượng đặc biệt đó đàn áp sự phản kháng của các giai cấp bị thống trị.

- Ví dụ: Nhà nước ban hành Hiến pháp và pháp luật mang tính bắt buộc, được nhà nước bảo đảm thực hiện, ai làm trái sẽ bị xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

Câu 3 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì? Tại sao nói nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc?

Trả lời:

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Nói nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc vì:

+ Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động do giai cấp công nhân thông qua chính đảng của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

+ Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân, do nhân dân lập nên và nhân dân tham gia quản lí; nhà nước thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

+ Trong tổ chức và thực hiện, nhà nước ta kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc, Nhà nước có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và thực hiện đại đoàn kết dân tộc, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Câu 4 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những chức năng cơ bản nào? Chức năng nào là cơ bản nhất? Tại sao?

Trả lời:

- Các chức năng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

+ Chức năng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Nhà nước ta sử dụng toàn bộ sức mạnh của mình để phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưu gây rối, phá hoại, bạo loạn, xâm hại đến nền an ninh quốc gia, đến sự ổn định chính trị trong nước, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, tạo điều kiện hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

+ Chức năng tổ chức và xây dựng, bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Tổ chức xây dựng và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

- Tổ chức xây dựng và quản lý văn hóa, giáo dục, khoa học.

- Tổ chức xây dựng và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội.

Xây dựng hệ thống pháp luật để đảm bảo thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Hai chức năng trên có mối quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau, trong đó có chức năng tổ chức và xây dựng là căn bản nhất, giữ vai trò quyết định.

- Bởi vì, với nhà nước xã hội chủ nghĩa, chức năng đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xây dựng, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” như Lê-nin đã khẳng định.

Câu 5 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Vai trò của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị ở nước ta như thế nào?

Trả lời:

- Hệ thống chính trị là tập hợp các thiết chế chính trị, bao gồm nhà nước, các đảng phái chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội có quan hệ gắn bó hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau nhằm thực hiện quyền chính trị của giai cấp cầm quyền.

- Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác như: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

Là một yếu tố cấu thành hệ thống chính trị, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những vai trò sau:

+ Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam; thể chế hóa và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

+ Tổ chức xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa.

+ Là công cụ hữu hiệu để Đảng thực hiện vai trò của mình đối với toàn xã hội

+ Là công cụ chủ yếu của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 6 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Mỗi công dân cần phải làm gì để góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta?

Trả lời:

- gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực tham gia các hoạt động: xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật

- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Câu 7 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy nêu những ví dụ thể hiện Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Trả lời:

- Người dân được hưởng quyền bình đẳng, quyền tự do ngôn luận, quyền bầu cử, ứng cử, quyền và nghĩa vụ học tập, lao động.
- Người dân chung người dân được hưởng đầy đủ chế độ ưu đãi, chính sách đãi ngộ
- Khi nhà nước ban hành các quy định và bộ luật đều tiến hành trưng cầu dân ý, để mỗi người dân đều được đóng góp ý kiến, nhất là vào những hoạt động có liên quan đến bản thân mình.

Câu 8 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu những việc làm của chính quyền địa phương nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân mà em biết.

Trả lời:

- Thực hiện bầu cử quốc hội và chính quyền địa phương các cấp, tính dân chủ thể hiện ở chỗ việc chính quyền địa phương sẽ tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét, tín nhiệm của cử tri nơi ứng cử viên công tác và cư trú. Tại hội nghị này, cử tri có quyền nhận xét, bày tỏ tín nhiệm đối với người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.
- Khi thực hiện các công trình phúc lợi xã hội như làm cầu đường giao thông nông thôn, nạo vét cống rãnh, ... sẽ tổ chức họp lấy ý kiến trong địa phương, lần đầu bà con chưa thông thì họp tiếp; nếu 80% hộ dân đồng tình, có thể vận động nhân dân thực hiện.

Câu 9 (trang 80 sgk Giáo dục công dân 11): Là một học sinh, em phải làm gì để góp phần xây dựng chính quyền vững mạnh ở địa phương mình?

Trả lời:

- Tham gia tích cực các hoạt động tập thể ở địa phương như vệ sinh đường làng ngõ xóm, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Tham gia tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình, tuyên truyền việc thực hiện tốt các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước
- Tham gia bầu cử HĐND các cấp khi đủ tuổi
- ...

Bài 10: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Dân chủ:

Là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước; dân chủ là một hình thức nhà nước gắn với giai cấp thống trị do đó dân chủ luôn mang bản chất giai cấp.

- Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện cụ thể trên những phương diện sau:

- + Một là: Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp công nhân.
- + Hai là: Nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- + Ba là: Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác – Lê- nin làm nền tảng tinh thần của xã hội.
- + Bốn là: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao động.
- + Năm là: Dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương.

2. Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế (đọc thêm)

- Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trên lĩnh vực kinh tế.
- Biểu hiện của quyền làm chủ về kinh tế:
 - + Thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần.
 - + Các thành phần kinh tế đều bình đẳng và tự do kinh doanh theo pháp luật.
 - + Làm chủ trực tiếp quá trình sx, kinh doanh, phân phối sản phẩm và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
 - + Công dân có quyền tự do kinh doanh theo PL, có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp

b) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị

- Là thực hiện mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Biểu hiện của quyền làm chủ về chính trị:

+ Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội.

+ Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương.

+ Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân.

+ Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí. Quyền giám sát các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo... của công dân.

c) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá

- Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trong lĩnh vực văn hoá.

- Biểu hiện của quyền làm chủ về văn hoá:

+ Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá.

+ Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hoá, nghệ thuật của chính mình.

+ Quyền sáng tác, phê bình văn học nghệ thuật; giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ sự áp bức về tinh thần và đưa văn hoá đến cho mọi người.

Bài 10: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

d) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội

- Nội dung: Là đảm bảo những quyền xã hội của công dân.

- Biểu hiện của quyền làm chủ về xã hội:

+ Quyền lao động.

+ Quyền bình đẳng nam, nữ. (Phụ nữ được quyền bàn bạc, tham gia, quyết định những vấn đề của gia đình và xã hội))

+ Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội.

+ Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khoẻ.

+ Quyền được bảo đảm về mặt vc-tt khi không còn khả năng lao động.

+ Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội. Tham gia các phong trào ở địa phương và trường học.

3. Những hình thức cơ bản của dân chủ

a) Dân chủ trực tiếp

* Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước. (không phân biệt giới tính, địa vị, tôn giáo...) VD sgk.

* Những hình thức phổ biến của dân chủ trực tiếp là:

- + Trưng cầu ý dân (trong phạm vi toàn quốc)
- + Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.
- + Thực hiện sáng kiến pháp luật (nhân dân tham gia xd, sửa đổi, bổ xung PL)
- + Làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, xd và thực hiện các qui ước, hương ước phù hợp PL.

KL: Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ mà trong đó mọi công dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động CT, KT, VH, XH.

b) Dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện)

- Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ thông qua những qui chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước.

(thông qua các cơ quan đại diện như MTTQ và các đoàn thể nhân dân). HS nêu vd sgk.

* **Kết luận:** Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của CMVS, xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX . Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng là những vấn đề rất quan trọng để thực hiện dân chủ XHCN xứng đáng với lí tưởng mà Bác Hồ từng mong mỏi.

B. Câu hỏi vận dụng

* **Lập bảng so sánh hai hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp.**

- **Giống nhau:** đều là hình thức của dân chủ. Thể hiện quyền lực thuộc về tay nhân dân.

- **Khác nhau:**

+ Dân chủ trực tiếp: người dân trực tiếp đóng góp ý kiến và thảo luận các vấn đề của cộng đồng, xã hội.

Mặt hạn chế là tốn nhiều thời gian, tiền của, công sức, và trình độ nhận thức về các vấn đề của mọi người dân không như nhau.

+ Dân chủ gián tiếp: người dân phải thông qua người đại diện để đóng góp ý kiến và thảo luận các vấn đề của cộng đồng, xã hội.

Mặt hạn chế là phụ thuộc nhiều vào năng lực làm việc và phẩm chất đạo đức của người đại diện.

- Dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Vì vậy, cần phải kết hợp sử dụng tốt cả hai hình thức dân chủ trên để phát huy tối đa hiệu quả của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Không nên tuyệt đối hoá một hình thức dân chủ vì như thế sẽ dẫn đến độc đoán, độc quyền hoặc vô tổ chức, vô chính phủ

C. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Những biểu hiện về mặt bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là gì?

Trả lời:

Những biểu hiện về mặt bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là:

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân.

+ Bản chất giai cấp công nhân của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện ở sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của mình là Đảng Cộng sản nhằm thực hiện quyền lực và lợi ích của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động.

+ Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động mới có thể tiến hành cuộc đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu, vô chính phủ, vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng của chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Trên cơ sở kinh tế đó, giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành người làm chủ nền sản xuất và chi phối mọi hoạt động của đời sống xã hội.

+ Trong các lĩnh vực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thì thực hiện dân chủ trong lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa cơ bản vì chủ khi nào người lao động thực sự làm chủ về kinh tế thì họ mới có dân chủ thực sự và trở thành lực lượng quyết định quá trình phát triển của xã hội.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác – Lê-nin làm nền tảng tinh thần của xã hội.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ của nhân dân lao động.

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ rộng rãi nhất và triệt để nhất trong lịch sử vì trong chế độ xã hội chủ nghĩa chẳng những mọi người dân đều được hưởng quyền dân chủ, mà nhà nước còn chăm lo nâng cao trình độ dân trí, tạo điều kiện thực tế cho mọi người có khả năng thực hiện quyền dân chủ của mình.

+ Nhà nước Xã hội chủ nghĩa – cơ quan quyền lực của nhân dân – do nhân dân lập ra, hoạt động của nó vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động. Nhà nước Xã hội chủ nghĩa ngay từ buổi đầu hình thành đã xác định quyền lực thuộc về nhân dân, đó là một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do dân và vì dân.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với pháp luật, kỉ luật, kỉ cương. Dân chủ xã hội chủ nghĩa không thể thực hiện được nếu những hành vi gây tác hại đến quyền dân chủ của nhân dân không được xử lí kịp thời, đúng đắn. Vì vậy, để có dân chủ và dân chủ được thực hiện thì các quyền dân chủ của nhân dân phải được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật và được thực hiện bằng những thiết chế tương ứng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Câu 2 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy nêu những nội dung cơ bản của dân chủ trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Trả lời:

Những nội dung cơ bản của dân chủ:

- Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế:

+ Thực hiện quyền làm chủ của công dân đối với tư liệu sản xuất, trên cơ sở đó làm chủ quá trình quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm.

+ Biểu hiện của quyền làm chủ về kinh tế ở nước ta hiện nay là chính sách kinh tế nhiều thành phần. Mọi công dân cũng như các thành phần kinh tế đều bình đẳng và tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, làm chủ trực tiếp quá trình sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm của mình và làm nghĩa vụ đối với đất nước.

+ Quyền dân chủ của công dân có nghĩa là công dân vừa được hưởng quyền và vừa phải làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, cùng với quyền tự do kinh doanh, công dân còn có nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật.

- Dân chủ trong lĩnh vực chính trị nghĩa là trong lĩnh vực chính trị, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

+ Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương.

+ Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân

+ Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí

+ Ngoài ra dân chủ trong chính trị còn được thể hiện ở quyền giám sát các hoạt động của các cơ quan nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo,.. của công dân

- Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa là thực hiện quyền làm chủ của công dân trong lĩnh vực văn hóa.

+ Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa

- + Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của chính mình
- + Quyền được sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật
- + Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa còn thể hiện ở việc giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ mọi sự áp bức về tinh thần và đưa văn hóa đến cho mọi người.
- Dân chủ trong lĩnh vực xã hội thể hiện trước hết ở việc đảm bảo những quyền lợi sau:
 - + Quyền lao động
 - + Quyền bình đẳng nam nữ
 - + Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội
 - + Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe
 - + Quyền được bảo đảm về mặt vật chất và tinh thần khi không có khả năng lao động
 - + Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về công hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội
 - + Bên cạnh đó, công dân còn có nghĩa vụ tham gia vào các phong trào xã hội ở địa phương, trường học

Câu 3 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Theo em, dân chủ và tập trung, dân chủ và tự do, dân chủ và pháp luật có mâu thuẫn với nhau không? Tại sao?

Trả lời:

- Không mâu thuẫn với nhau

- Vì dân chủ không phải muốn làm gì thì làm mà dân chủ là được làm những gì mà pháp luật không cấm, tất cả quyền dân chủ được ghi rõ trong hiến pháp và pháp luật được soạn thảo do toàn dân thông qua quốc hội do dân bầu đó là dân chủ tập trung

Dân chủ, tự do và pháp luật để tạo sự ổn định và an toàn xã hội

Câu 4 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy phân biệt dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Cho ví dụ minh họa?

Trả lời:

- Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ với những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng nhà nước.

+ Đây là hình thức tham gia của mọi công dân một cách bình đẳng và trực tiếp vào các quyết định trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo biểu quyết đa số, là sự thể hiện một cách trực tiếp ý chí của chủ thể quyền lực về những vấn đề quan trọng nhất.

+ Ví dụ: Tất cả công dân đủ điều kiện trực tiếp đi bỏ phiếu bầu ra những người mình tin tưởng, đủ đức đủ tài vào trong Hội đồng nhân dân các cấp và các đại biểu quốc hội.

- Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ thông qua những quy chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, đất nước.

+ Là hình thức nhân dân thể hiện quyền làm chủ của mình, tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua hoạt động của những người đại diện, cơ quan đại diện của mình ở các cấp chính quyền như ở Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân.

+ Là hình thức thực hiện hóa quyền làm chủ của người dân. Cơ cấu tổ chức của hình thức dân chủ gián tiếp cho phép bao quát toàn bộ lãnh thổ từ địa phương đến trung ương, cho phép người dân làm chủ trên mọi lĩnh vực của cuộc sống.

+ Ví dụ: Đại biểu quốc hội là người đại diện cho nhân dân, được sự ủy thác của nhân dân, thay mặt nhân dân tham gia xây dựng các đạo luật để quản lí xã hội.

Câu 5 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu những ví dụ thể hiện dân chủ và thể hiện không dân chủ mà em biết.

Trả lời:

Thể hiện dân chủ:

- + Đi bầu cử (công dân từ đủ 18 tuổi trở lên)
- + Trước khi ban hành luật thì thực hiện trưng cầu dân ý qua các cơ quan, đoàn thể...
- + Hình thức phê bình, tự phê bình của các cơ quan, đoàn thể...

Thể hiện không dân chủ:

+ Chế độ phong kiến: mọi quyền lực tập trung trong tay nhà vua, dân không có tiếng nói (Vua bảo thần tử, thần bất tử bất trung)

Câu 6 (trang 90 sgk Giáo dục công dân 11): Là một học sinh, em phải làm gì để góp phần thực hiện nếp sống dân chủ?

Trả lời:

- + Thực hiện tốt nếp sống văn hoá nơi công cộng
- + Chấp hành tốt nội quy kỷ luật của Nhà trường
- + Thực hiện tốt quyền dân chủ của mình, tôn trọng quyền dân chủ của người khác.
- + Đấu tranh, phê phán những thói hư tật xấu, những tiêu cực, thói tự do vô kỷ luật, vi phạm quyền dân chủ của người khác.
- + Luôn lắng nghe ý kiến đồng thời bày tỏ ý kiến trong những cuộc thảo luận
- + Không được có thái độ khiếm nhã, không tôn trọng đối với người khác

+ Tham gia vào quyền sáng tác nghệ thuật nếu có thể.

Bài 11: CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

A. Nội dung bài học

1. Chính sách dân số

a) Tình hình dân số nước ta

Năm	Qui mô dân số	Tốc độ dân số	Mật độ, phân bố dân số
1945	25 triệu người	Tăng gấp 3 lần Thứ 2 Đông Nam Á, thứ 13 tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ	Cao: 231 người/km ² , thế giới: 44 người/km ² , phân bố không hợp lí: thành thị 24%, nông thôn 76%.
1999	76,3 triệu người		
2006	84 triệu người		

Mối quan hệ giữa gia tăng dân số và chất lượng cuộc sống

Dân số tăng quá nhanh

↑↓

Kinh tế, văn hoá kém phát triển		Thừa lao động, không có việc làm → các tệ nạn xã hội gia tăng
---------------------------------	--	--

↑↓

NSLĐ thấp		Mức sống thấp
-----------	--	---------------

↑↓

Bệnh tật nhiều		Sức khoẻ, thể lực kém
----------------	--	-----------------------

KL: Nước ta có quy mô dân số lớn, tốc độ tăng nhanh, kết quả giảm sinh chưa thật vững chắc, mật độ cao, phân bố chưa hợp lý.

b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số

- Mục tiêu:

- + Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số.
- + Ổn định quy mô, cơ cấu và phân bố dân cư hợp lý.
- + Nâng cao chất lượng dân số nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

- Phương hướng cơ bản:

- + **Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý**, tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số từ TW đến cơ sở, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành.
- + **Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục** với nội dung thích hợp, hình thức đa dạng với nội dung rộng rãi các chủ trương, biện pháp KHHGD.
- + **Nâng cao sự hiểu biết của người dân** về vai trò của gia đình, bình đẳng giới, sức khoẻ sinh sản, nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần.
- + **Nhà nước đầu tư đúng mức, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước; thực hiện xã hội hoá công tác dân số, tạo điều kiện để mọi gia đình, cá nhân tự nguyện tham gia chính sách dân số.**

2. Chính sách giải quyết việc làm

a) Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay

- Tỷ lệ thất nghiệp ngày càng cao
- Thu nhập thấp
- Chất lượng nguồn nhân lực thấp
- Số SV tốt nghiệp ra trường có việc làm ít
- Dòng di chuyển lao động từ nông thôn về thành thị kiểm việc làm ngày càng tăng.

b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm

- Mục tiêu:

- + Tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn.
- + Phát triển nguồn nhân lực.
- + Mở rộng thị trường lao động.
- + Giảm tỷ lệ thất nghiệp và tăng tỷ lệ người lớn đã qua đào tạo nghề.

- Phương hướng cơ bản:

- + **Thúc đẩy phát triển sx và dịch vụ**, (KK các thành phần KT, các nhà đầu tư trong, ngoài nước sx, kinh doanh có hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm cho người lđ.
- + **Khuyến khích làm giàu theo PL**, tự do hành nghề, khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên.
- + **Đẩy mạnh XK lao động**, đặc biệt lđ qua đào tạo, lđ nông nghiệp, nhằm giải quyết y/c trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người lđ.
- + **Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn** trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, cải thiện đk việc làm cho người lđ.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm

- Chấp hành cs ds và PL về ds.
- Chấp hành cs giải quyết việc làm và PL về lđ.
- Động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đấu tranh chống hành vi vi phạm cs ds và giải quyết việc làm.
- Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kỹ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn để tích cực, chủ động tìm việc làm, tăng thu nhập bản thân và gia đình, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.
- Thiếu việc làm là một trong những nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy do vậy tự tạo việc làm có thu nhập hợp pháp là biện pháp hữu hiệu để phòng chống ma túy.

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu tình hình dân số ở nước ta và tác động của nó đối với mọi mặt của đời sống xã hội. Hãy tìm hiểu về mật độ dân số ở địa phương em và so sánh với mật độ dân số trung bình của cả nước.

Trả lời:

- Tình hình dân số ở nước ta: mức sinh đã giảm, nhận thức về vấn đề dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được nâng lên nhưng vấn đề dân số ở nước ta vẫn đứng trước thách thức lớn: quy mô dân số lớn, tốc độ tăng còn nhanh, kết quả giám sinh chưa thật vững chắc, chất lượng dân số thấp, mật độ dân số cao và phân bố chưa hợp lí.

- Tác động của dân số với mọi mặt của đời sống xã hội: gây cản trở tốc độ phát triển kinh tế xã hội, gây khó khăn lớn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết việc làm và thu nhập, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

- Mật độ dân số ở Hà Nội 1.979 người/km², mật độ dân số trung bình cả nước 274 người/km² -> Đông gấp gần 8 lần.

Câu 2 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số ở nước ta?

Trả lời:

Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số ở nước ta:

- Mục tiêu: Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số, sớm ổn định quy mô, cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lí, nâng cao chất lượng dân số nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

- Phương hướng:

+ Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí, tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số từ Trung ương đến cơ sở, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành đối với công tác dân số.

+ Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục với nội dung thích hợp, hình thức đa dạng nhằm phổ biến rộng rãi các chủ trương, biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

+ Nâng cao sự hiểu biết của người dân về vai trò của gia đình, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

+ Nhà nước đầu tư đúng mức, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước, thực hiện xã hội hóa công tác dân số, tạo điều kiện thuận lợi để mọi gia đình, cá nhân tự nguyện, chủ động tham gia công tác dân số.

Câu 3 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy giải thích và nêu lên thái độ của mình đối với những quan niệm sau: Trời sinh voi, trời sinh cỏ; Đông con hơn nhiều của; Trọng nam khinh nữ.

Trả lời:

- “Trời sinh voi, trời sinh cỏ”

+ Nghĩa đen: Trời sinh ra loài voi chắc chắn sẽ phải sinh sinh ra loài cỏ để giúp loài voi tồn tại. Đây chính là quy luật của tự nhiên.

+ Nghĩa bóng: Bố mẹ chỉ cần sinh con ra chắc chắn con cái sẽ biết tìm cách để tồn tại cha mẹ không cần chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Thái độ: không đồng ý với quan điểm đó vì: nó thể hiện thái độ không có trách nhiệm đối với con cái và đối với xã hội.

+ Hậu quả: Gây nên sự bùng nổ dân số, chất lượng đời sống kém.

- “Đông con hơn nhiều của”:

+ Nghĩa đen: Có nhiều con tốt hơn có nhiều của cải vật chất.

+ Nghĩa bóng: Có nhiều con cái khi về già sẽ có người chăm sóc, hơn là nhiều của cải nhưng không có con cái ở bên.

+ Thái độ: Không đồng ý với quan điểm đó vì có nhiều con sẽ khiến việc chăm sóc của cha mẹ gặp khó khăn, con cái không có đủ điều kiện học hành, khó phát triển dẫn đến khả năng kinh tế kém, phải bươn chải cuộc sống, cũng không có điều kiện chăm sóc cha mẹ được tốt nhất.

+ Hậu quả: Bùng nổ dân số, dân trí và đời sống thấp.

- Trọng nam khinh nữ

+ Nghĩa đen: Yêu quý con trai, ghét bỏ con gái.

- + Nghĩa bóng: Chỉ nên sinh con trai, không nên sinh con gái.
- + Không đồng ý vì nó là sai lầm, con nào cũng đáng quý như nhau.
- + Hậu quả: gây mất cân bằng giới tính

Câu 3 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy giải thích và nêu lên thái độ của mình đối với những quan niệm sau: Trời sinh voi, trời sinh cỏ; Đông con hơn nhiều cửa; Trọng nam khinh nữ.

Trả lời:

- “Trời sinh voi, trời sinh cỏ”

+ Nghĩa đen: Trời sinh ra loài voi chắc chắn sẽ phải sinh sinh ra loài cỏ để giúp loài voi tồn tại. Đây chính là quy luật của tự nhiên.

+ Nghĩa bóng: Bố mẹ chỉ cần sinh con ra chắc chắn con cái sẽ biết tìm cách để tồn tại cha mẹ không cần chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Thái độ: không đồng ý với quan điểm đó vì: nó thể hiện thái độ không có trách nhiệm đối với con cái và đối với xã hội.

+ Hậu quả: Gây nên sự bùng nổ dân số, chất lượng đời sống kém.

- “Đông con hơn nhiều cửa”:

+ Nghĩa đen: Có nhiều con tốt hơn có nhiều cửa cái vật chất.

+ Nghĩa bóng: Có nhiều con cái khi về già sẽ có người chăm sóc, hơn là nhiều cửa cái nhưng không có con cái ở bên.

+ Thái độ: Không đồng ý với quan điểm đó vì có nhiều con sẽ khiến việc chăm sóc của cha mẹ gặp khó khăn, con cái không có đủ điều kiện học hành, khó phát triển dẫn đến khả năng kinh tế kém, phải bươn chải cuộc sống, cũng không có điều kiện chăm sóc cha mẹ được tốt nhất.

- + Hậu quả: Bùng nổ dân số, dân trí và đời sống thấp.
- Trọng nam khinh nữ
 - + Nghĩa đen: Yêu quý con trai, ghét bỏ con gái.
 - + Nghĩa bóng: Chỉ nên sinh con trai, không nên sinh con gái.
 - + Không đồng ý vì nó là sai lầm, con nào cũng đáng quý như nhau.
 - + Hậu quả: gây mất cân bằng giới tính

Câu 4 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu tình hình việc làm và mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm ở nước. Hãy tìm hiểu và nhận xét tình hình việc làm ở địa phương em.

Trả lời:

- Gần đây, chính phủ đã ban hành những chính sách nhằm mở rộng sản xuất, dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề, thực hiện tốt kế hoạch và các chương trình kinh tế, xã hội nên đã tạo ra được nhiều việc làm mới. Tuy vậy, tình trạng thiếu việc làm ở nước ta vẫn là vấn đề bức xúc ở cả nông thôn và thành thị.
- Mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm là: tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp và tăng tỉ lệ người lao động đã qua đào tạo nghề
- Tình hình việc làm ở địa phương em:
 - + Thị trường lao động dồi dào hay không?
 - + Có nhiều lao động đã qua đào tạo không?
 - + Có nhiều người thiếu việc làm, thất nghiệp không?

Câu 5 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày phương hướng cơ bản nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

- Thúc đẩy phát triển sản xuất và dịch vụ. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh có hiệu quả nhằm tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tự do hành nghề, khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên.
- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp nhằm giải quyết yêu cầu trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người lao động.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Câu 6 (trang 95 sgk Giáo dục công dân 11): Em suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm?

Trả lời:

- Chấp hành chính sách dân số, pháp luật về dân số
- Chấp hành chính sách giải quyết việc làm và pháp luật về lao động.
- Động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đồng thời đấu tranh chống những hành vi vi phạm chính sách dân số và giải quyết việc làm.
- Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kỹ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn để tích cực, chủ động tìm việc làm, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.

Bài 12 CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. Nội dung bài học

1. Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay

- Do đặc điểm khí hậu và địa hình nên nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ta rất đa dạng:

- + Khoáng sản khá phong phú (dầu mỏ, sắt, bô xít, crôm, thiếc, than...)
- + Đất đai màu mỡ; rừng có nhiều loài quý hiếm (ĐV: Voi, tê giác, bò rừng, hổ, báo, hưu sao, vượn. TV: Đinh, lim, sến, táu, cẩm lai, giáng hương, lát hoa...)
- + Biển rộng lớn, phong cảnh đẹp, có nhiều hải sản quý; không khí ánh sáng và nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

KL: Nước ta nguồn tài nguyên phong phú, nếu được khai thác, sử dụng hợp lí, có hiệu quả, chúng ta sẽ tạo được sự phát triển bền vững.

- Những điều đáng lo ngại hiện nay là:

- + Về tài nguyên: khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, dt rừng đang bị thu hẹp, nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị xoá sổ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, chất lượng đất suy giảm, đất canh tác bị thu hẹp dần, tài nguyên biển ở gần bờ cũng suy giảm đáng kể.
- + Về môi trường: ô nhiễm nước, không khí và đất ở nhiều nơi, nhiều vấn đề vệ sinh môi trường phát sinh cả thành thị và nông thôn. Môi trường biển bắt đầu bị ô nhiễm, do khai thác dầu, sự cố môi trường như bão lụt, hạn hán...

- Nguyên nhân:

- + Nguyên nhân chủ quan là chính, việc nâng cao nhận thức về bảo vệ TN- MT cho toàn dân chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy được mọi nguồn lực tham gia bảo vệ TN- MT.
- + Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên còn bừa bãi, việc chặt phá rừng, săn bắt thú quý hiếm chưa được ngăn chặn, ý thức bảo vệ môi trường kém.
- + Dân số tăng nhanh và tập trung đông các đô thị lớn nên ô nhiễm không khí, nguồn nước trầm trọng. ảnh hưởng xấu trực tiếp đến đời sống và sức khỏe con người.

2. Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

- **Mục tiêu:**

- + Sử dụng hợp lí tài nguyên.
- + Bảo vệ môi trường.
- + Bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường,.

+ Góp phần phát triển KT- XH bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Phương hướng cơ bản:

- + Tăng cường công tác quản lí của Nhà nước
- + Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xd ý thức trách nhiệm về bảo vệ TN, MT cho toàn dân
- + Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế, khu
- + Chủ động phòng ngừa ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện MT, bảo tồn thiên nhiên
- + Khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm TN, TN
- + Áp dụng công nghệ hiện đại

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Chấp hành chính sách, PL về bảo vệ TN, MT.
- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ TN, MT
- Vận động mọi người cùng thực hiện; chống lại các hành vi vi phạm PL về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu tình hình môi trường ở nước ta hiện nay và nhận xét.

Trả lời:

- Môi trường nước ta hiện nay đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguồn nước, không khí và đất đã bị ô nhiễm ở khắp nơi, nhiều vấn đề vệ sinh môi trường đã phát sinh ở cả thành thị và nông thôn. Môi trường biển bị ô nhiễm nặng nề do khai thác dầu, các sự cố tràn dầu, người dân xả rác sinh hoạt các cả các công ty đồ, xả rác công nghiệp.

- Có nhiều nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chính. Việc nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên, môi trường cho toàn dân cần được thực hiện mạnh mẽ hơn, phát huy mọi nguồn lực tham gia bảo vệ môi trường. Hơn thế, việc gia tăng dân số nhanh, tập trung quá đông ở các đô thị lớn dẫn đến tình trạng quá tải, ảnh hưởng mạnh đến đời sống của con người.

Câu 2 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu mục tiêu, phương hướng cơ bản nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trả lời:

- Mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường là sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Phương hướng:

+ Tăng cường công tác quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường; mọi tài nguyên đưa vào sử dụng đều phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê.

+ Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường cho mọi người dân. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tiếp nhận các thông tin về môi trường, xây dựng nếp sống vệ sinh, tiết kiệm, đẩy mạnh các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường.

+ Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế, khu vực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình hợp tác để giải quyết các vấn đề về bảo vệ môi trường chung với các quốc gia có liên quan.

+ Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên. Nhà nước áp dụng những biện pháp hiệu quả để tăng tỉ lệ che phủ rừng, bảo vệ động, thực vật, nhất là những động, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, bảo vệ đa dạng sinh học, chống ô nhiễm đất, nước, không khí.

+ Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Trước mắt, chúng ta cần chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi gây lãng phí tài nguyên rừng, suy thoái đất và ô nhiễm môi trường.

+ Áp dụng công nghệ hiện đại để khai thác tài nguyên và xử lý chất thải, rác, bụi, tiếng ồn, nhất là ở các thành phố lớn.

Câu 3 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 11): Giả sử có một đàn voi rừng trong quá trình di chuyển chỗ ở đã tàn phá nhiều vườn tược, hoa màu, nguy hiểm hơn chúng đã giẫm chết và làm trọng thương nhiều người.

Trả lời:

- Cần báo ngay cho cơ quan địa phương có trách nhiệm, sơ tán mọi người khỏi nơi nguy hiểm

- Cơ quan chức năng khống chế, bắn thuốc mê và chở chúng về rừng, bảo vệ đàn voi một cách nghiêm ngặt, tránh việc làm chúng bị tổn thương

Câu 4 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 11): Trách nhiệm của em đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường như thế nào?

Trả lời:

- Chấp hành chính sách và pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường

- Tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường ở địa phương và ở nơi mình hoạt động như: tham gia trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, mở rộng diện tích rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, giữ gìn, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, tham gia vệ sinh môi trường, thực hiện các quy định về vệ sinh công cộng, phê phán việc săn bắt, tiêu diệt động vật quý hiếm

- Vận động mọi người cùng thực hiện, đồng thời chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Câu 5 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy kể về hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường mà em biết hoặc trực tiếp tham gia và cho biết ý nghĩa của hoạt động đó đối với bản thân.

Trả lời:

- Hành động:

- + Tham gia vệ sinh khu dân cư mình sinh sống
- + Tham gia chương trình Vòng quay xanh – tuyên truyền bỏ rác đúng nơi quy định, phân loại rác và nhặt rác trong khuôn viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- + Tham gia chương trình Giờ trái đất 60+
- + Tham gia tuyên truyền, vẽ tranh, đóng kịch về chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường,
- Khi tham gia những hoạt động này, em đã góp phần sức của mình vào việc bảo vệ môi trường, vì sự phát triển chung của đất nước và nhân loại.

Bài 13 CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

A. Nội dung bài học

1. Chính sách giáo dục và đào tạo

a) Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo

***Tầm quan trọng của gd - đt**

- Giáo dục và đào tạo có tầm quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực con người.
- Đảng Nhà nước ta xác định gd - đt là quốc sách hàng đầu, coi đầu tư cho gd - đt là đầu tư cho phát triển.

***Nhiệm vụ của giáo dục – đào tạo là:**

- + Nâng cao dân trí.
- + Đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ.
- + Cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao.

b) Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo

- **Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo;** vì đây là đòi hỏi khách quan của đất nước. Muốn vậy, phải giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lí, có cs đúng đắn trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài.

- **Mở rộng qui mô giáo dục;** vì trên cơ sở chất lượng và hiệu quả, gắn với yêu cầu phát triển KT- XH, Nhà nước phải mở rộng qui mô giáo dục từ gd mầm non đến gd đại học, tăng nhanh dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp.
- **Ưu tiên đầu tư cho giáo dục;** Nhà nước phải huy động mọi nguồn lực để phát triển gd - đt, xd cơ sở vật chất cho các trường học, thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá nhà trường.
- **Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục;** có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, bảo đảm học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo mọi đk để người nghèo có cơ hội được học tập, người giỏi được phát huy tài năng.
- **Xã hội hoá giáo dục;** vì phát triển giáo dục là sự nghiệp của Nhà nước và toàn dân, do đó cần đa dạng hoá các loại hình nhà trường, các hình thức giáo dục, xd xã hội học tập đáp ứng nhu cầu học thường xuyên, học suốt đời của nhân dân.
- **Phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo;** phải tiếp cận những chuẩn mực gd tiên tiến của thế giới phù hợp yêu cầu phát triển nước ta, tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới.

Bài 13 CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

2. Chính sách khoa học và công nghệ

a) Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ

Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển của đất nước.

- Nhiệm vụ của KH và CN_o:

- + Giải đáp kịp thời những vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra.
- + Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền KT quốc dân.
- + Nâng cao trình độ quản lí, hiệu quả của hoạt động KH và CN_o.

- Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ

- KH và CN_o cần phát triển theo 4 phương hướng cơ bản:
 - + Đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o .
 - + Tạo thị trường cho KH và CN_o .

- + Xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o.
- + Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm.
 - Đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o nhằm:
- + Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận.
- + Đầu tư ngân sách vào các trương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới.
- + Huy động nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.
 - Tạo thị trường cho KH và CN_o nhằm:
- + Tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ KH và CN_o.
- + Đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ sở pháp lí và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, trọng dụng nhân tài.
 - Xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o nhằm:
- + Tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng.
- + Nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đội ngũ cán bộ khoa học.
- + Tăng cường cơ sở vc-kt, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu KH- CN_o.
 - Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm nhằm:
- + Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội.
- + Ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

Bài 13 CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

3. Chính sách văn hoá

a) Nhiệm vụ của văn hoá

- Văn hoá là toàn bộ những giá trị do con người tạo ra, bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần.
- VH là nền tảng tinh thần của xh, là động lực thúc đẩy sự phát triển KT- XH, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. VH khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của con người, tạo sự phát triển hài hoà giữa đời sống vật chất và tinh thần.
- **Nhiệm vụ VH:**
 - + Xây dựng nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng con người VN phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo.

b) Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

* Làm cho CN M- LN và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.

+ CN M- LN giúp ta nhận thức đúng đắn các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy để xây dựng xh mới.

+ Tư tưởng HCM là sự vận dụng sáng tạo CN M- LN vào đk cụ thể nước ta và trở thành những giá trị tinh thần, tài sản quý báu của dân tộc ta. Những giá trị ấy đã và đang cổ vũ dân tộc ta trong công cuộc xd, bảo vệ Tổ quốc và xd nền VH mới.

* Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống VH của dân tộc.

+ Phải kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, vh, nghệ thuật, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Phải coi trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản vh và danh lam thắng cảnh của đất nước.

* Tiếp thu tinh hoa VH nhân loại.

+ Tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, nhân đạo, những thành tựu của nhân loại để làm giàu cho trí tuệ, tâm hồn người VN.

+ Ngăn chặn sự xâm nhập của vh độc hại, tệ sùng bái đồng tiền, coi thường đạo lí, các giá trị nhân văn, kiên quyết chống các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan.

* Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ VH, phát huy tiềm năng sáng tạo VH của nhân dân.

+ Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sáng tạo vh, văn học nghệ thuật, cổ vũ cái đúng, cái đẹp, phê phán cái ác, cái thấp hèn.

+ nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng lối sống mới.

KL: Thực hiện những phương hướng cơ bản trên, chúng ta sẽ từng bước xd được nền vh tiên tiến, bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong thời kì CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.

4. Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá

Sgk- học sinh tự liên hệ

- Tin tưởng và chấp hành đúng chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước và gđđt, khen, văn hóa.
- Thường xuyên nâng cao trình độ học vấn ,coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Ra sức trau dồi phẩm chất đạo đức, chiếm lĩnh kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại để thực hiện ước mơ làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh
- Có quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh, biết phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội

B. Câu hỏi vận dụng

- Nền VH tiên tiến: Không chỉ ở nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải về nội dung.

Thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ, nội dung cốt lõi là lí tưởng độc lập dt và CNXH của CN M-LN và tư tưởng Hồ Chí Minh; vì hạnh phúc con người...

- Nền Vh đậm đà bản sắc dân tộc: Bởi vì “gốc của VH là dân tộc” xu hướng toàn cầu hoá đang tác động, thì ý thức về cội nguồn dt, về độc lập, tự chủ phải được coi trọng; mới bảo đảm hội nhập mà không hoà tan, mất đi bản sắc dân tộc.

Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- làng xã- Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lí, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động...

C. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu nhiệm vụ của sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay. Hãy nêu một hoạt động nhằm thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo mà em biết hoặc tham gia.

Trả lời:

- Nhiệm vụ của sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay: Giáo dục và đào tạo có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, phát triển và truyền bá văn minh nhân loại, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người. chính vì vậy, giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, có nhiệm vụ: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ, cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao.

- Mọi hoạt động thực hiện chính sách giáo dục được thực hiện đó là việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn như miễn, giảm học phí cho con em thương, bệnh binh, liệt sĩ, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ con em vùng sâu vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số được đến trường,...

Câu 2 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo.

Trả lời:

Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Đây là đòi hỏi khách quan của đất nước. Muốn vậy, chúng ta cần phải thực hiện giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lí, có chính sách đúng đắn trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài.

- Mở rộng quy mô giáo dục. Trên cơ sở chất lượng và hiệu quả, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước mở rộng quy mô giáo dục từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học, tăng nhanh dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp.

- Ưu tiên đầu tư cho giáo dục. Nhà nước huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa nhà trường.

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Đây là vấn đề mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc của sự nghiệp giáo dục nước ta, bảo đảm học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo mọi điều kiện để người nghèo có cơ hội được học tập, người giỏi được phát huy tài năng.

- Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục: Phát triển giáo dục là sự nghiệp của nhà nước và của toàn dân, vì vậy cần đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục, xây dựng xã hội học tập đáp ứng nhu cầu học thường xuyên, học suốt đời của nhân dân.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của nước ta, tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới.

Câu 3 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Khoa học và công nghệ có nhiệm vụ như thế nào? Lấy ví dụ về việc áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất hoặc sáng kiến khoa học – kĩ thuật mà em biết.

Trả lời:

- Từ một nền kinh tế kém phát triển đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật, nước ta coi khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước.

Để góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khoa học và công nghệ có nhiệm vụ: giải đáp kịp thời những vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ quản lí, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ.

Câu 4 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Những phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ là gì?

Trả lời:

- Đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ nhằm khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận. Nhà nước đầu tư ngân sách vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, huy động các

nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

- Tạo thị trường cho khoa học công nghệ. Để có thị trường khoa học và công nghệ, nước ta phải tạo ra một môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, trọng dụng nhân tài.

- Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng. Nhà nước coi trọng việc nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đội ngũ cán bộ khoa học, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Câu 5 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Nhiệm vụ của văn hóa là gì? Em hiểu như thế nào là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?

Trả lời:

- Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp cách mạng nước ta, nhiệm vụ của văn hóa là: xây dựng nên văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo.

- Nền văn hóa tiên tiến thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên.

- Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc là nền văn hóa chứa đựng những yếu tố tạo ra sức sống, bản lĩnh dân tộc, bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của

dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường của dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – xã hội – tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống.

Câu 6 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Em hãy nêu một ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ở địa phương em?

Trả lời:

* Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

- Làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.

- Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc. Đồng thời với việc kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, nghệ thuật, thuần phong mỹ tục của dân tộc, Đảng, Nhà nước ta coi trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh của đất nước.

- Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, nhân đạo, những thành tựu trên các lĩnh vực của nhân loại để làm giàu cho trí tuệ, tâm hồn người Việt Nam. Trong điều kiện mở rộng giao lưu quốc tế, chúng ta phải ngăn chặn sự xâm nhập của các văn hóa phẩm độc hại, tệ sùng bái đồng tiền, coi thường đạo lý, các giá trị nhân văn và kiên quyết chống các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan.

- Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa, phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa của nhân dân, bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, cổ vũ cái đúng, cái đẹp, phê phán cái ác, cái thấp hèn; nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng lối sống mới.

* Ví dụ:

- Vào những ngày lễ hội, địa phương em vẫn giữ gìn các truyền thống như rước lễ, hát quan họ giao duyên,...

- 10/3 âm lịch là ngày cả nước giỗ tổ Hùng Vương

- Trùng tu, tái tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa của dân tộc

Câu 7 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Em suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với các chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa?

Trả lời:

Trách nhiệm đối với các chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa:

- Tin tưởng và chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa.

- Thường xuyên nâng cao trình độ học vấn, coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Ra sức trau dồi phẩm chất đạo đức, chiếm lĩnh kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại để thực hiện ước mơ làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh.

- Có quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh, biết phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

Câu 8 (trang 109 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy sưu tầm một số câu nói, câu thơ hoặc ca dao, tục ngữ nói về truyền thống hiếu học và những nét đẹp trong đời sống văn hóa của người Việt Nam.

Trả lời:

Muốn sang thì bắc cầu Kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

- Tôn sư trọng đạo
- Nhất tự vi sư, bán tự vi sư
- Đi thưa, về gửi
- Trên kính, dưới nhường
- Tiên học lễ, hậu học văn

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Bài 14: CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

A. Nội dung bài học

1. Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh

a) Vai trò của quốc phòng và an ninh

- Chúng ta phải tăng cường QP & AN. Vì:
 - + Các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây rối, tìm mọi cơ hội để gây bạo loạn, lật đổ và can thiệp vũ trang.
 - + Trong cơ chế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực còn tồn tại những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội.
 - QP & AN có vai trò trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc VN XHCN.
- KL: Nhiệm vụ hàng đầu là xd CNXH, nhưng không được lơ là nhiệm vụ bảo vệ vững chắc TQ2

b) Nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh

- Xây dựng nền QP toàn dân và AN nhân dân vững mạnh toàn diện.
- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của TQ.
- Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN.
- Bảo vệ an ninh chính trị, AN kinh tế, AN văn hoá - tư tưởng.

- Duy trì trật tự kỉ cương, an toàn xã hội.
- Giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

2. Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì:

+ Nền QP của ta là nền QP toàn dân và AN nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân nên phát huy được sức mạnh của dt và sức mạnh thời đại.

+ đó là khối đại đoàn kết toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Sức mạnh dt bao gồm truyền thống tốt đẹp, sức mạnh văn hoá tinh thần và sức mạnh vật chất của dt.

+ Sức mạnh thời đại là sức mạnh của KH và CN, sức mạnh của các lực lượng tiến bộ và cách mạng trên thế giới.

- Kết hợp quốc phòng với an ninh.

+ Là kết hợp sức mạnh của lực lượng và thể trận của QP với sức mạnh của lực lượng và thể trận của an ninh.

+ Lực lượng QP toàn dân và AN nhân dân bao gồm: con người, phương tiện v.v và khả năng khác của dt.

+ Thể trận của QP và AN nhân dân là việc tổ chức hợp lí lực lượng trên địa bàn cả nước, từng địa phương.

- Kết hợp KT – XH với quốc phòng và an ninh.

+ Ta thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ CL xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tất yếu phải kết hợp KT với QP và AN.

+ CL phát triển KT – XH phải gắn liền với CL QP và AN, CL QP và AN phục vụ cho CL KT – XH.

- Trong tình hình hiện nay, xd QĐND và CAND chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; đồng thời phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với QĐND và CAND là một đòi hỏi khách quan của nước ta.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh

- Tin tưởng vào chính sách QP và AN của Đảng và Nhà nước.
- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ thù.
- Chấp hành PL về QP và AN, giữ gìn trật tự, AN quốc gia.
- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Tích cực tham gia các hoạt động trong lĩnh vực QP và AN ở nơi cư trú.

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay? Theo em tại sao phải tăng cường quốc phòng và an ninh?

Trả lời:

- Quốc phòng và an ninh gắn bó chặt chẽ và hỗ trợ nhau cùng thực hiện nhiệm vụ: xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự kỉ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ.

- Cần phải tăng cường quốc phòng an ninh vì các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây rối, tìm mọi cơ hội để gây bạo loạn, lật đổ và can thiệp vũ trang. Mặt khác, trong thời kì mở cửa, bên cạnh những mặt tích cực, ở nước ta còn có những biểu hiện tiêu cực ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, quốc phòng và an ninh có vai trò trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 2 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 11): Nêu những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh.

Trả lời:

Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh:

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- + Nền quốc phòng và an ninh của ta là nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân nên phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và sức mạnh của thời đại. Sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo nên, nhưng yếu tố có ý nghĩa quyết định là sức mạnh dân tộc, con người, chính trị, tinh thần mà biểu hiện tập trung ở sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sức mạnh dân tộc bao gồm những truyền thống tốt đẹp, sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh. Lực lượng quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân bao gồm con người, phương tiện vật chất và các khả năng khác của dân tộc. Thế trận quốc phòng và an ninh nhân dân là việc tổ chức hợp lý lực lượng trên địa bàn của cả nước, trong từng địa phương.

- Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội phải gắn với chiến lược quốc phòng và an ninh, chiến lược quốc phòng và an ninh phục vụ cho chiến lược kinh tế - xã hội.

Câu 3 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 11): Em suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh.

Trả lời:

- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Vì vậy, công dân có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động quốc phòng và an ninh.

- Tin tưởng vào chính sách quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước.

- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ thù.

- Chấp hành pháp luật về quốc phòng và an ninh, giữ gìn trật tự, an ninh quốc gia.
- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh tại nơi cư trú.

Câu 4 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 11): Lấy ví dụ về cá nhân hay tập thể tiêu biểu trong việc thực hiện chính sách quốc phòng và an ninh.

Trả lời:

- 100% thanh niên địa phương tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự theo đúng quy định.
- Cá nhân bắt được kẻ trộm, thấy kẻ tình nghi báo cho cơ quan công an,...

Câu 5 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 11): Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó lực lượng nòng cốt là:

a. Toàn dân. b. Quân đội nhân dân. c. Công an nhân dân. d. Quân đội nhân dân và công an nhân dân. Em hãy lựa chọn phương án đúng nhất.

Trả lời:

Đáp án: d. Quân đội nhân dân và công an nhân dân

Bài 15 CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

A. Nội dung bài học

1. Vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại

- Vai trò:

Chủ động tạo ra mối quan hệ quốc tế thuận lợi để đưa nước ta hội nhập với thế giới; góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

- Nhiệm vụ:

- + Giữ vững môi trường hoà bình, tạo đk quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển KT – XH, CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- + Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Nguyên tắc của chính sách đối ngoại.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau

(để làm thất bại những hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ của nước ta.)

- Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi

(Vì các nước trên thế giới dù lớn hay nhỏ đều có quyền sống, quyền tự do, mưu cầu hạnh phúc, phát triển. Vì vậy, nguyên tắc này yêu cầu nước ta tôn trọng quyền của các nước và đòi hỏi các nước tôn trọng quyền bình đẳng của nước ta. đồng thời, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, hợp tác cùng có lợi.)

3. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. VN là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

- củng cố tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới, mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.
- Phát triển công tác đối ngoại nhân dân. Tích cực tham gia vào các diễn đàn và hoạt động của nhân dân TG, góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì

quyền lợi con người.

Sẵn sàng đối thoại với các nước, tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của VN.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại. Là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước nhằm phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH.

4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại

- Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc CS ĐN của Đảng và Nhà nước.
- Luôn luôn quan tâm đến tình hình thế giới và vai trò của ta trên trường quốc tế.
- Chuẩn bị những đk cần thiết để tham gia vào các công việc có liên quan đến đối ngoại như rèn luyện nghề, nâng cao trình độ văn hoá và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ...

- Khi quan hệ với các đối tác nước ngoài cần thể hiện ý thức dân tộc và phát huy những nét đẹp trong truyền thống VH dân tộc, có thái độ hữu nghị, đoàn kết, lịch sự, tế nhị.

B. Bài tập SGK

Câu 1 (trang 118 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại.

Trả lời:

- Vai trò của chính sách đối ngoại là: Chủ động tạo ra môi quan hệ quốc tế thuận lợi để đưa nước ta hội nhập với thế giới; góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

- Nhiệm vụ của chính sách đối ngoại: Giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiên bộ xã hội.

Câu 2 (trang 118 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy phân tích những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

Những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại ở nước ta hiện nay.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Nguyên tắc này đòi hỏi nước ta tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước khác, đồng thời nêu cao tinh thần độc lập tự chủ trong quan hệ quốc tế và làm thất bại những hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ nước ta.

- Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Các nước trên thế giới dù lớn hay nhỏ đều có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, phát triển. Nguyên tắc này yêu cầu nước ta phải tôn trọng quyền của các nước và đòi hỏi các nước tôn trọng quyền bình đẳng của Việt Nam. Đồng thời, các nước tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, hợp tác cùng có lợi.

Câu 3 (trang 118 sgk Giáo dục công dân 11): Trình bày những phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước ta.

Trả lời:

Những phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước ta:

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực

- Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới, mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

- Phát triển công tác đối ngoại nhân dân. Tích cực tham gia vào các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, cá tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại. Đây là một đòi hỏi khách quan của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước nhằm phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 5 (trang 118 sgk Giáo dục công dân 11): Em hãy cho biết: Hiện nay, nước ta có quan hệ với bao nhiêu nước trên thế giới? Nêu một số tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực mà nước ta có quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực mà em biết?

Trả lời:

- Nước ta hiện nay có quan hệ ngoại giao với 185 nước trên thế giới, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại các châu lục.

- Một số tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực mà nước ta có quan hệ hợp tác là: hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), diễn đàn hợp tác Á – Âu

Câu 6 (trang 118 sgk Giáo dục công dân 11): Hãy nêu một số thành tựu nổi bật về ngoại giao của nước ta trong những năm vừa qua.

Trả lời:

- Một số thành tựu nổi bật năm 2016:

+ Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng có các chuyến thăm chính thức đến các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản.

+ Đón tiếp lãnh đạo của nhiều nước như Tổng Bí thư – chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, Thủ tướng Nga Medvedev, thủ tướng Anh David Cameron.

+ Kí văn kiện lịch sử tuyên bố hình thành cộng đồng ASEAN 2015 từ ngày 31/12/2015

+ Tổ chức thành công Hội đồng liên Nghị viện thế giới IPU 132

+ Tiếp tục cử sĩ quan tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc.

+ Kí kết hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Châu Âu

- + Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng đón Bằng công nhận Di sản thiên nhiên thế giới lần thứ 2
- + Trò chơi kéo co cùng Hàn Quốc, Campuchia, Philippines được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.
- + Trúng cử vào Hội đồng Chấp hành UNESCO, nhiệm kì 2015 – 2019
- + Tổ chức thành công nhiều Tuần văn hóa Việt Nam ở các nước và nhiều sự kiện văn hóa – du lịch tổ chức thành công ở Việt Nam.